

PHỤ CHƯƠNG

1. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA

TỔNG CỤC THÔNG KÊ

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA

ÁP DỤNG CHO

**ĐIỀU TRA HÀNG THÁNG CÁC SẢN PHẨM CÔNG
NGHIỆP CHỦ YẾU (MSMIP)**

Hà Nội, 2006

Nếu muốn biết thêm thông tin hoặc có bất cứ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ:

Tổng cục Thống kê
Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
Số 02, Đường Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Điện thoại: (04) 8463475

NỘI DUNG

Trang

I. TỔNG QUÁT.....	A1 - 1
II. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC.....	A1 - 8
III. HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA	A1 - 12
IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA PHIẾU ĐIỀU TRA	A1 - 16
V. NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)	A1 - 19
VI. VẤN ĐỀ BẢO MẬT.....	A1 - 22
VII. DANH MỤC SẢN PHẨM ÁP DỤNG CHO ĐIỀU TRA TIỀN TRẠM.....	A1 - 23

I. TỔNG QUÁT

1. Mục tiêu của cuộc điều tra

- (1) Tìm hiểu xu hướng hàng tháng về các hoạt động sản xuất của công nghiệp Việt Nam¹ một cách kịp thời với độ tin cậy cao.
- (2) Biên soạn Thông kê công nghiệp đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.
- (3) Tiến hành thống kê dựa trên sản phẩm để xác định hoạt động công nghiệp với số liệu thực tế.
- (4) Công bố báo cáo về kết quả điều tra cấp toàn quốc và cấp tỉnh, thành phố.
- (5) Tính toán chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) sử dụng phương pháp phù hợp với chuẩn mực quốc tế.
- (6) Xây dựng một hệ thống điều tra với hiệu quả kinh tế cao nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho cơ quan thống kê cấp Trung ương và địa phương, đồng thời, giảm bớt gánh nặng cho các đối tượng điều tra.

2. Hệ thống điều tra thống kê

(1) Tên cuộc điều tra

Thống kê công nghiệp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, tiến hành trên cơ sở Kế hoạch cơ bản về phát triển thống kê công nghiệp, được gọi là Điều tra hàng tháng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu (MSMIP).

(2) Tổ chức

Thống kê công nghiệp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của “Ban Giám sát MSMIP” và đó là tổ chức quản lý cao nhất. Đồng thời, việc thực hiện điều tra được tiến hành bằng cách tận dụng triệt để hệ thống hành chính của TCTK (TCTK, Cục Thống kê và Phòng TK). Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng thuộc TCTK là Vụ chủ quản.

(3) Ban Giám sát MSMIP

TCTK thành lập “Ban Giám sát MSMIP” do Tổng cục trưởng TCTK chỉ đạo để đưa ra các hướng dẫn trên cơ sở thường xuyên liên quan đến việc quản lý và kiểm soát MSMIP cũng như

¹ Ở Việt Nam, “ngành công nghiệp” được xác định theo ba phân ngành công nghiệp cấp 2 theo Phân ngành Công nghiệp chuẩn Việt Nam (VSIC) tương đương với Phân ngành Công nghiệp chuẩn Quốc tế (ISIC): “Ngành khai thác”, “Ngành công nghiệp Chế biến”, “Ngành cung cấp điện/khí/nước”. “Công nghiệp” trong Kế hoạch trình bày ở đây cũng tuân thủ định nghĩa này.

các biện pháp phát triển MSMIP. Nhóm Thư ký của Ban Giám sát sẽ được thành lập tại Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK.

1) Thành viên của Ban Giám sát MSMIP

Sáu đại diện của các đơn vị dưới đây sẽ trở thành thành viên của Ban Giám sát MSMIP.

Trưởng Ban:	Tổng cục Trưởng - Tổng cục Thống kê
Phó Trưởng Ban:	Vụ Trưởng - Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK.
Thành viên:	Vụ trưởng - Vụ Kinh tế Công nghiệp, MPI
Thành viên:	Vụ trưởng - Vụ Nghiên cứu, Văn phòng Thủ tướng
Thành viên:	Vụ trưởng - Vụ Kế hoạch, MOI
Thành viên và Trưởng Ban Thư ký:	Phó Vụ trưởng - Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng – TCTK

2) Vai trò của Ban Giám sát MSMIP

Ban Giám sát MSMIP giữ vai trò sau:

- i. Thông qua kế hoạch điều tra, điều chỉnh phiếu điều tra và điều chỉnh các quy định
- ii. Phê duyệt việc xem xét các ngành công nghiệp, các sản phẩm và các cơ sở kinh tế điều tra
- iii. Đưa ra các chỉ thị và hướng dẫn liên quan đến việc quản lý và kiểm soát cuộc điều tra.

(4) Vai trò của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

Vai trò của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng như sau.

- i. Lập kế hoạch và thiết kế cuộc điều tra “MSMIP”
- ii. Chuẩn bị phiếu điều tra và các tài liệu hướng dẫn cũng như phân phát chúng cho các Cục TK
- iii. Hướng dẫn các điều tra viên của Cục Thống kê và Phòng Thống kê
- iv. Thực hiện và kiểm soát cuộc điều tra
- v. Tổng hợp và tính toán số liệu thống kê
- vi. Công bố kết quả của cuộc điều tra
- vii. Quản lý ngân sách của cuộc điều tra

(5) Vai trò của Cục TK

- i. Hướng dẫn và giải thích cho các cơ sở kinh tế được điều tra tại địa bàn
- ii. Phân phát và thu thập phiếu điều tra
- iii. Kiểm tra phiếu điều tra đã thu thập

- iv. Nhập số liệu của phiếu điều tra vào máy tính và tổng hợp
- v. Soạn báo cáo về kết quả điều tra ở cấp tỉnh
- vi. Phân tích và chuẩn bị số liệu cho việc công bố tại địa bàn tỉnh
- vii. Quản lý hoạt động của các điều tra viên

(6) Vai trò của các Phòng Thống kê

Phòng Thống kê phân phát phiếu điều tra cho các cơ sở kinh tế điều tra (Phòng Thống kê chủ yếu phụ trách các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ các thể) tại địa bàn tỉnh, thu thập và kiểm tra phiếu điều tra cũng như quản lý các điều tra viên. Các Phòng Thống kê phải nộp phiếu điều tra đã thu thập được lên các Cục Thống kê vào đúng thời hạn quy định.

3. Phạm vi điều tra

(1) Địa bàn điều tra

Địa bàn điều tra toàn quốc.

(2) Ngành điều tra

Ngành điều tra là các ngành VSIC cấp 4. Quy trình lựa chọn sẽ được bắt đầu từ giai đoạn điều tra tiền trạm năm 2006 dựa trên các tiêu chí lựa chọn dưới đây và danh sách các ngành điều tra cuối cùng sẽ được hoàn thành vào tháng 1 năm 2008.

Tiêu chí lựa chọn các ngành VSIC cấp 4.

Những ngành thỏa mãn hai tiêu chí dưới đây sẽ được chọn là ngành điều tra:

- i. Giá trị sản xuất của mỗi ngành VSIC cấp 4 đạt khoảng 20.000 tỷ VND trở lên
- ii. Tỷ trọng doanh thu của mỗi ngành VSIC cấp 4 sẽ được tính toán để lập danh sách các ngành VSIC cấp 4 từ cao xuống thấp theo tỷ trọng doanh thu. Một đường giới hạn tại 90% giá trị cộng dồn của giá trị sản xuất sẽ được đưa ra để lựa chọn các ngành điều tra.

(3) Đối tượng điều tra

Đối tượng của cuộc điều tra sẽ là các cơ sở kinh tế và các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra.

Một “cơ sở kinh tế” tham gia vào cuộc điều tra là đơn vị tham gia vào các hoạt động sản xuất tại một địa điểm cụ thể. Nói cách khác, đó là cơ sở kinh tế có chủ thể quản lý, có tiến hành hoạt động sản xuất ít nhất ba tháng trong một năm tại một địa điểm cố định tại Việt Nam. Hình thức sở hữu không phải là tiêu chí khi lựa chọn đối tượng điều tra.

4. Số mẫu điều tra

Số mẫu được TCTK lựa chọn dựa theo quy mô giá trị sản xuất.

Tất cả các doanh nghiệp trong một ngành VSIC cấp 4 mục tiêu sẽ được liệt kê theo thứ tự giảm dần về giá trị sản xuất. Một đường giới hạn tại 80% giá trị sản xuất cộng dồn sẽ được đặt ra để lựa chọn các doanh nghiệp điều tra.

Các doanh nghiệp nằm trong nhóm chiếm 80% giá trị sản xuất cộng dồn sẽ được lựa chọn là doanh nghiệp điều tra.

Các doanh nghiệp Nhà nước (cả doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và Nhà nước địa phương) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được điều tra toàn bộ (không phải chọn mẫu) để đảm bảo tính liên tục của thống kê vì trong hệ thống báo cáo hàng tháng hiện nay, các doanh nghiệp này được điều tra toàn bộ. Vì vậy, tất cả các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ thuộc đối tượng điều tra vì tỷ lệ đại diện trên 80% giá trị sản xuất cũng chính là tỷ lệ họ đang đại diện. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể thuộc nhóm chiếm 80% giá trị sản xuất cộng dồn cũng sẽ được lựa chọn để điều tra.

5. Sản phẩm

Mặc dù phân loại sản phẩm được đưa vào danh mục sản phẩm công nghiệp của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK, phiên bản mới nhất của Hệ thống Phân loại sản phẩm chủ yếu (VCPC) cấp 5 cũng sẽ được tham khảo để cho phép so sánh quốc tế.

Các sản phẩm điều tra bao gồm những thành phẩm có thể phân phối phục vụ tiêu dùng cuối cùng hay có thể sử dụng như sản phẩm trung gian trên thị trường.

Về cơ bản, tất cả các sản phẩm thuộc ngành VSIC cấp 4 được lựa chọn điều tra sẽ được liệt kê theo thứ tự giảm dần của giá trị sản xuất (hay doanh thu thuần). Một đường giới hạn tại 80% giá trị sản xuất cộng dồn sẽ được đặt ra để lựa chọn các sản phẩm mục tiêu.

6. Kỳ điều tra

Kỳ điều tra của cuộc điều tra hàng tháng được xác định từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của một tháng.

7. Sơ bộ nội dung phiếu điều tra

Cuộc điều tra áp dụng nhiều loại phiếu điều tra, mỗi phiếu điều tra áp dụng cho một ngành VSIC cấp 4 được điều tra. Các sản phẩm in sẵn trong mỗi phiếu điều tra của các ngành khác nhau là khác nhau.

Các sản phẩm được lựa chọn từ Hệ thống phân loại các sản phẩm chủ yếu (VCPC) và được điều chỉnh để đáp ứng hệ thống thống kê công nghiệp hiện nay. Danh mục các ngành và các sản phẩm được lựa chọn cho Điều tra tiền trạm có thể tham khảo tại Phụ lục 1.

Phần hướng dẫn và giải thích từng chỉ tiêu điều tra trong Phiếu điều tra được mô tả tại phần III: “HƯỚNG DẪN ĐIỀU PHIẾU ĐIỀU TRA”.

8. Phiếu theo dõi và danh sách cơ sở kinh tế

Phiếu theo dõi được soạn thảo để giúp cho các hoạt động của điều tra viên có hiệu quả hơn. Trong quá trình phân phát và thu thập phiếu điều tra, các điều tra viên phải điền tay các thông tin cần thiết vào “Phiếu theo dõi” cho mỗi cơ sở kinh tế. Phiếu theo dõi có các thông tin mà tất cả các điều tra viên được yêu cầu điền đủ. Thông tin yêu cầu bao gồm:

i. Tình trạng

Điền các thông tin về tình trạng hoạt động của cơ sở kinh tế từng tháng như : *Hoạt động, tạm thời đóng cửa, đóng cửa, chuyển địa điểm, không tồn tại*. Điều tra viên phải chú thích tóm tắt theo các ký hiệu: “*HĐ: cơ sở kinh tế còn hoạt động*”, “*TĐ: cơ sở kinh tế tạm thời đóng cửa*”, “*ĐC: cơ sở kinh tế đã đóng cửa*”, “*CĐ: cơ sở kinh tế chuyển địa điểm*” và “*KT: các cơ sở kinh tế không tồn tại*”.

ii. Ngày phát phiếu điều tra

Ghi ngày phát phiếu điều tra cho từng cơ sở kinh tế.

iii. Ngày thu phiếu điều tra

Ghi ngày thu phiếu hàng tháng từ cơ sở kinh tế điều tra.

iv. Tên người điền phiếu và người phụ trách cơ sở kinh tế

Ghi tên của người chịu trách nhiệm trả lời phiếu điều tra của từng cơ sở kinh tế cũng như tên của người phụ trách cơ sở kinh tế.

v. Tên, địa chỉ, số điện thoại của cơ sở kinh tế và loại hình doanh nghiệp

Nếu tên, địa chỉ, số điện thoại và/hoặc loại hình doanh nghiệp khác hoặc thay đổi so với danh sách cơ sở kinh tế thì yêu cầu viết chữ “khác” vào một chỗ trống trong phiếu điều tra như sau:

1-1. Tên Doanh nghiệp							5. Người điền phiếu			
1-2. Tên Cơ sở kinh doanh							* Trường hợp tên doanh nghiệp trùng với tên cơ sở kinh doanh, để trống ô này			
2. Mã số thuế							6. Số điện thoại	Mã khu vực	Số máy	
3. Địa chỉ							7. Tháng báo cáo	của năm 2005		
4. Loại hình doanh nghiệp (chọn ô phù hợp)	4-1 <input type="checkbox"/> DNNN TƯ	4-2 <input type="checkbox"/> DNNN ĐP	4-3 <input type="checkbox"/> DN có vốn ĐTNN	4-4 <input type="checkbox"/> DN ngoài nước doanh	<input type="checkbox"/> Xem hướng dẫn mới sau để điền phiếu					

khác

Ghi chú: Điều tra viên khi nộp phiếu điều tra lần cuối cùng, đồng thời nộp phiếu theo dõi

Mẫu danh sách cơ sở kinh tế và Phiếu theo dõi

Danh sách cơ sở kinh tế

Mã tỉnh/thành phố	Mã quận/huyện	Mã xã/phường	Mã số thuế(10 chữ số)	Mã cơ sở(3 chữ số)	Tên cơ sở kinh tế	Địa chỉ	Số điện thoại	Số fax	VSC (ngành cấp 4)
101	114	17677	020934594 1	373	Nhà máy Hà Nội	07 đường Hoàng Văn Thụ, Hanoi	(4)7575898	(4)8765348	2102

Sản phẩm chính (1)	Sản phẩm chính(2)	Sản phẩm chính(3)	Giá trị xuất kho của cơ sở	Tên Công ty	Loại hình doanh nghiệp	Tên giám đốc	Tên Kế toán trưởng
Giấy nhăn	Hộp các tông	Không	Nhà máy Hà Nội	Công ty Liên doanh Hà Nội	2	Mr. Nguyen Manh Ha	Mr. Tokyo Taro

Phiếu theo dõi

Example

Tình trạng
HD=hoạt động; TD=tạm đóng; DC=đóng cửa;
CDL=chuyển địa điểm; KT=không tồn tài

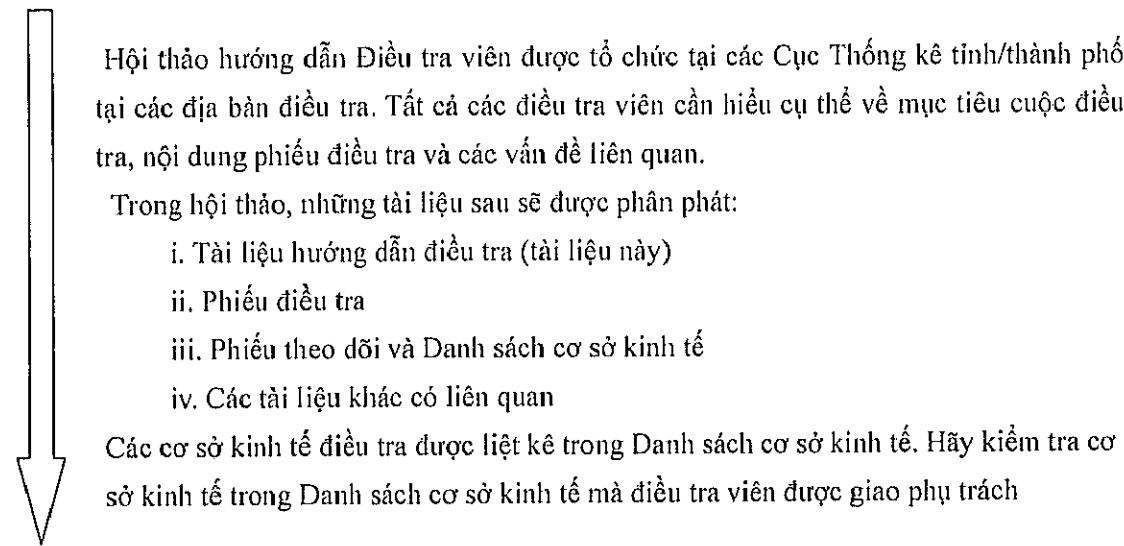
Tên điều tra viên: Thảo Nhi

Tên cơ sở kinh tế	Tình trạng	Ngày phát phiếu	Ngày thu phiếu	Tên người liên hệ	Tên người phụ trách
Nhà máy Hà Nội	HD	HD	12 tháng 9	12/11	Ông Nguyễn Văn Tuấn
				7/01	Ông Nguyễn Mạnh Hà

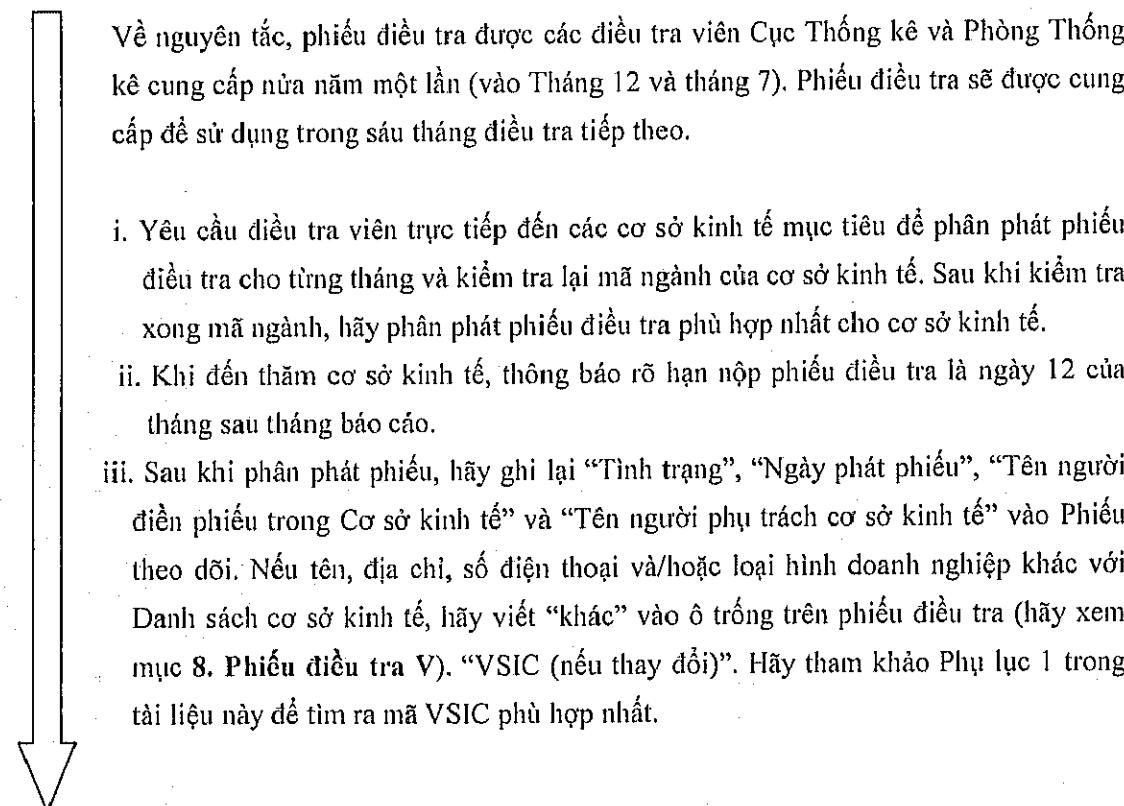
II. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC

Yêu cầu các điều tra viên thực hiện cuộc điều tra theo quy trình dưới đây.

Tham dự Hội thảo hướng dẫn Điều tra viên



Phân phát Phiếu điều tra



Phân phát Phiếu điều tra (tiếp tục)

Ví dụ

Tên cơ sở kinh tế	Tình trạng			Ngày phát phiếu
	T10	T11	T12	
Nhà máy Hà Nội	HD			Ngày 12/9

Ngày thu phiếu	Tên người liên hệ			Tên người phụ trách
	T10	T11	T12	
6/9			Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ông Nguyễn Mạnh Hà

trả lại phiếu thửa cho Cục Thống kê hoặc Phòng Thống kê (nếu có)

Thu thập Phiếu điều tra

Phương pháp thu thập

Hạn thu phiếu điều tra được áp định là ngày 12 hàng tháng.

Doanh nghiệp/cơ sở kinh tế sẽ đến Cục Thống kê để nộp phiếu điều tra như hệ thống báo cáo mà Tổng cục Thống kê hệ thống đang áp dụng hàng tháng. Hệ thống báo cáo này áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI.

Đồng thời, điều tra viên đến gặp doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể để thu phiếu điều tra.

Nếu các cơ sở điều tra được phép nộp phiếu bằng fax hoặc internet, họ không phải gửi phiếu điều tra qua đường bưu điện do điều kiện hiện tại của Dịch vụ bưu chính.

i. Khi đến thu phiếu, đề nghị xác nhận phiếu điều tra và kiểm tra xem tất cả các câu hỏi đã được trả lời hoàn chỉnh chưa. Các dấu hiệu kiểm tra bao gồm:

- 1) Những câu hỏi còn trống chưa được trả lời
- 2) Những chỗ viết không rõ ràng
- 3) Các câu trả lời sai (sai đơn vị tính, sai giá trị, v.v.)

ii. Sau khi thu phiếu, yêu cầu điền phần “Ngày thu phiếu điều tra” vào Phiếu theo dõi.

[Thu thập Phiếu điều tra (tiếp theo)]

iii. Sau khi thu phiếu, hãy điền (1) Tên điều tra viên, (2) Mã tỉnh (2 chữ số), (3) Mã quận, huyện (3 chữ số), (4) Mã phường, xã (5 chữ số) và (5) Mã cơ sở kinh tế (3 chữ số) vào góc trên bên phải của phiếu điều tra. Tất cả các mã cho từng cơ sở kinh tế/ doanh nghiệp đều được in sẵn trong Danh sách cơ sở kinh tế.

Ví dụ:

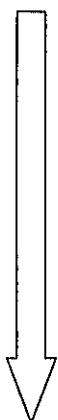
PSD sử dụng nội bộ (Tên Điều tra viên)			
Tỉnh	Huyện	Xã	Cơ sở kinh tế
0 1	0 0 3	0 1 4 3 2	0 1 0
<i>Nguyen Trong Nghia</i>			

- iv. Hãy xác nhận các phiếu điều tra đã thu thập theo đúng quy trình mô tả trong phần IV: Quy trình Xác nhận phiếu điều tra tại Cục Thống kê Tỉnh/Thành phố và Phòng Thống kê quận/huyện.
- v. Phiếu điều tra đã được điền phải được hoàn toàn bảo mật. Yêu cầu bảo quản cẩn thận phiếu điều tra.

Ghi chú

- 1.Tháng báo cáo của cuộc điều tra về cơ bản bắt đầu từ ngày đầu tiên cho đến ngày cuối cùng của tháng. Cơ sở kinh tế có thể định ngày (ví dụ như ngày 20 hoặc 25 của tháng) là ngày cuối cùng của tháng báo cáo. Nếu có cơ sở kinh tế áp dụng một kỳ báo cáo khác thì cần ghi chú vào Phiếu theo dõi.
2. Nếu cơ sở kinh tế điều tra tạm thời đóng cửa, tiếp tục để nghị cơ sở đó điền vào phiếu điều tra những dữ liệu còn lại miễn là có tồn kho cuối kỳ.
3. Nếu cơ sở kinh tế điều tra không còn hoạt động kinh doanh hoặc thay đổi loại hình kinh doanh thì không cần thiết phải thu thập Phiếu điều tra. Hãy ghi chú và Phiếu theo dõi về sự thay đổi đó.

Nộp Phiếu điều tra



i. Hạn nộp phiếu điều tra

Điều tra viên Phòng Thống kê nộp tất cả các phiếu điều tra đã xác nhận lên Cục TK vào ngày 11 hàng tháng. Đồng thời, các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI nộp phiếu điều tra lên Cục TK đến ngày 12 hàng tháng. Nếu hạn nộp phiếu rơi vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật, hạn sẽ tự động lùi sang ngày thứ 2 của tuần sau.

ii. Với các phiếu điều tra được thu thập sau hạn nộp, đề nghị nộp cho Cục Thống kê tỉnh, TP hoặc Phòng Thống kê quận/huyện ngay sau khi thu được.

Nhập tin



Nhập số liệu từ Phiếu điều tra

i. Hãy nhập số liệu từ các phiếu điều tra đã được kiểm tra vào máy tính của Cục Thống kê tỉnh/thành phố từ ngày 13 đến ngày 17 hàng tháng.

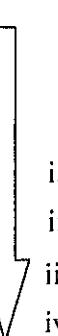
Truyền số liệu đã nhập và nộp phiếu điều tra



i. Các Cục TK truyền số liệu đã nhập vào máy tính lên TCTK qua hệ thống mạng nội bộ TCTK và nộp phiếu điều tra đã thu được và đã được Trưởng Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của Cục Thống kê kiểm tra lên TCTK vào ngày 18 hàng tháng.

ii. Nếu có phiếu điều tra được thu thập sau hạn nộp, đề nghị nộp lên TCTK.

Chuẩn bị công bố



Soạn báo cáo sơ bộ về kết quả điều tra tại TCTK

TCTK sẽ định ngày công bố báo cáo sơ bộ.

TCTK sẽ soạn thảo báo cáo sơ bộ đúng thời hạn để tiến hành công bố

i. Phân tích số liệu do các Cục Thống kê truyền về.

ii. Tổng hợp và tính toán chỉ số

iii. Viết báo cáo sơ bộ về kết quả điều tra cho tháng

iv. TCTK sẽ công bố báo cáo sơ bộ vào ngày đã định.

III. HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU ĐIỀU TRA

Tất cả các điều tra viên phải nắm rõ cách điền phiếu điều tra như trình bày dưới đây.

1. Tên Cơ sở kinh tế:

Điền tên Cơ sở kinh tế như ghi trong giấy phép kinh doanh.

2. Địa chỉ:

Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ sở kinh tế (số nhà, đường phố, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

3. Số điện thoại, số fax và địa chỉ email:

Ghi số điện thoại, số fax và địa chỉ email của người chịu trách nhiệm điền phiếu

4. Tên doanh nghiệp:

Điền tên Doanh nghiệp như ghi trong giấy phép kinh doanh. Trường hợp tên của cơ sở kinh tế trùng với tên doanh nghiệp, để tránh ô này.

5. Loại hình doanh nghiệp:

Dán dấu vào ô phù hợp với loại hình doanh nghiệp

6. Thông tin về sản phẩm:

- Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng:

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác.

- Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng:

Ghi khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm liệt kê trong Phiếu điều tra. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Lưu ý rằng khối lượng sản phẩm xuất kho KHÔNG bao gồm khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ.

- Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ trong tháng:

Ghi khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra (không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác). Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

- Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ:

Ghi khối lượng sản phẩm được tiêu thụ nội bộ trong tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới (Không gồm tiêu thụ nội bộ của những sản phẩm mà cơ sở đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác).

- Giá trị hàng xuất kho trong tháng:

Ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng báo cáo của từng loại sản phẩm liệt kê trong phiếu điều tra. Giá trị xuất kho tương đương với khối lượng sản phẩm xuất kho nhân với giá xuất kho. Giá trị xuất kho được tính trên hoá đơn bán hàng (không gồm thuế giá tăng).

- Khối lượng sản phẩm sản xuất dự tính cho tháng tiếp theo:

Ghi khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm được liệt kê trong phiếu điều tra. Chỉ tiêu này cũng giống như giải thích của chỉ tiêu "Khối lượng sản phẩm sản xuất".

7. Chú thích:

Ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước.

8. Chữ ký của người điền phiếu:

Người điền phiếu điều tra ký và ghi rõ họ tên.

9. Chữ ký của Giám đốc (Phụ trách cơ sở kinh tế):

Người phụ trách Cơ sở kinh tế ký và ghi rõ họ tên.

10. Ngày ký:

Ghi ngày mà Giám đốc (Người phụ trách Cơ sở kinh tế) đã ký

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì, xin vui lòng liên hệ với:

Tổng cục Thống kê

Số 02 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8463483

Ví dụ về mẫu phiếu điều tra MSMIP ở trang sau.

--

QUESTIONNAIRE ON PRODUCTION, SHIPMENT, INVENTORY OF INDUSTRIAL PRODUCTS

(Issued by the Decision No 1621 dated on November 15th, 2005 by the Director General of General Statistics Office)
 MonthYear 2006

APPLIED TO INDUSTRY:

1	5	1	2
---	---	---	---

1. Establishment name :
 2. Address : - Commune/Ward/Town:
 - District (provincial town, city) :
 - Province/Central City :

--	--	--	--
 3. Telephone: Fax: Email:
 4. Enterprise name:
- (Case name of the establishment is same as the enterprise name, leave this space blank)
5. Type of enterprise: (Fill the number corresponding to your type of enterprise)
 (Type of enterprise: 1- State; 2- Foreign Investment; 3- Non-State; 4- Household)

6. Information on products

Code	Name of product	Unit	Quantity				Value	Quantity	
			Beginning inventory	Production of reference month	Shipment of reference month	Internal Consumption			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	
1	Chilled Seafood and Aquatic Products								
2	Frozen Seafood and Aquatic Products								
3	Salted or Dried/Smoked Aquatic Products (e.g. Torn Dried Squid)								
4	Canned Aquatic Products								
	4-1 Canned tuna								
	4-2 Other canned fish and seafood								
5	Minced or Pasted Aquatic Products								
6	Fish Sauce								
	6-1 Dried fish sauce								
	6-2 Fish sauce of all kinds (except dried fish sauce)								
Other Products (Please specify the name, specification and unit of each product)									
1									
2									
3									

7. Total net turnover of the enterprise (Million VND):

Of which: Industrial net turnover (Million VND):

8. Remarks (Please describe if there were any causes resulting in difference comparing with the previous month)

.....

Respondent
 (Signature and full name)

Date....Month....Year....
 Director (Head of Establishment)
 (Signature, stamp)

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA PHIẾU ĐIỀU TRA

Kiểm tra phiếu điều tra là một công đoạn cần thiết để đảm bảo tính hiệu quả và chính xác của cuộc điều tra.

Nhiệm vụ kiểm tra các phiếu điều tra thuộc về các điều tra viên ở Phòng Thống kê quận/huyện và Cục Thống kê tỉnh/thành phố. Yêu cầu các điều tra viên thực hiện công đoạn kiểm tra như sau:

Từ câu 1 đến câu 7: Kiểm tra thông tin chung

(1) Kiểm tra xem có chỉ tiêu nào chưa được điền:

- 1-1. Tên Doanh nghiệp
- 1-2. Tên cơ sở kinh tế
- 2. Mã số thuế
- 3. Địa chỉ
- 4. Loại hình doanh nghiệp
- 5. Người điền phiếu
- 6. Số điện thoại
- 7. Tháng báo cáo

Nếu có chỗ
để trống,

Hỏi cơ sở kinh tế/doanh nghiệp bằng điện thoại hoặc đến
trực tiếp để có câu trả lời. Điền câu trả lời vào chỗ trống.

(2) Nếu có những điểm khác với Danh sách Cơ sở kinh tế như:

- Tên cơ sở kinh tế
- Địa chỉ
- Số điện thoại
- Loại hình doanh nghiệp

Nếu có điểm
khác biệt,

Hãy viết “khác” vào ô trống trong phiếu điều tra như sau

Ví dụ

Địa chỉ của cơ sở kinh tế

Khác

Từ chỉ tiêu 8 đến chỉ tiêu 13: Kiểm tra lại các thông tin về sản phẩm

(1) Kiểm tra xem có bất kỳ chỉ tiêu nào chưa được điền:

8. Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng
9. Khối lượng sản phẩm xuất kho trong tháng
10. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ
11. Khối lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ trong tháng
12. Giá trị hàng xuất kho trong tháng (Triệu đồng)
13. Khối lượng sản phẩm sản xuất dự tính cho tháng tiếp theo

Nếu có chỗ
để trống,

Hỏi cơ sở kinh tế/doanh nghiệp bằng điện thoại hoặc đến
trực tiếp để có câu trả lời. Điền câu trả lời vào chỗ trống

(2) Kiểm tra xem cơ sở kinh tế và doanh nghiệp đã điền đơn vị tính cho từng sản phẩm
chính xác chưa

Nếu áp dụng đơn
vị tính khác

Hỏi cơ sở kinh tế/doanh nghiệp lý do dùng đơn vị tính
khác và sửa lại nếu cần thiết. Nếu việc sử dụng đơn vị
tính khác là điều cần thiết, hãy ghi chú vào phiếu điều tra
để thông báo cho các điều tra viên khác.

Kiểm tra phần bên phải của Phiếu điều tra

(1) Sau khi kiểm tra xong tất cả các phần trên, hãy kiểm tra lại tên điều tra viên, mã tỉnh/thành phố, mã quận/huyện, mã xã/phường và mã cơ sở kinh tế xem các thông tin này đã được điền ở phần bên phải của phiếu điều tra dưới đây.

For Use of PSO											
Province	District	Commune	Enterprise								
<input type="text"/>											

Chú thích: Những mã số này rất quan trọng trong quá trình xử lý số liệu. Phiếu điều tra chưa được điền những mã này được coi là “chưa hoàn chỉnh”

Nếu có những ô
chưa điền hay
điền chưa rõ ràng

Hãy liên hệ với các điều tra viên để có mã chính xác. Nếu
cần, hãy tham khảo phiếu theo dõi

Nộp phiếu điều tra cho các cơ quan thống kê có liên quan

(1) Nộp phiếu điều tra cho các cơ quan thống kê theo thời hạn quy định trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện Điều tra.

Để đảm bảo tính hiệu quả của cuộc điều tra, việc kiểm tra phiếu điều tra phải được thực hiện khi thu thập phiếu.

V. NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)

Câu hỏi:

Làm thế nào để tìm ra đúng ngành khi cơ sở kinh tế hoạt động trong một ngành khác so với Phiếu theo dõi?

Trả lời:

Đề nghị tra phần Phụ lục có trong tài liệu hướng dẫn này. Danh mục sản phẩm và danh mục ngành mục tiêu đã được liệt kê và miêu tả chi tiết.

Câu hỏi:

Điều tra viên sẽ làm gì với Phiếu theo dõi? Hàng tháng điều tra viên có cần nộp Phiếu theo dõi không?

Trả lời:

Khi nộp Phiếu điều tra lần cuối cho các Cục Thống kê, yêu cầu điều tra viên nộp luôn Phiếu theo dõi.

Câu hỏi:

Phân loại sản phẩm trong Phiếu điều tra không giống với thống kê công nghiệp hiện nay. Tại sao lại áp dụng hệ thống phân loại này?

Trả lời:

Một trong những mục đích khi áp dụng phân ngành sản phẩm để thực hiện hệ thống thống kê này là nhằm xây dựng một hệ thống thống kê có khả năng so sánh quốc tế tại Việt Nam.

Câu hỏi:

Điều tra viên sẽ làm thế nào nếu cơ sở còn có thêm những sản phẩm không được liệt kê trong Phiếu điều tra? Trong trường hợp đó chúng tôi sẽ sử dụng đơn vị tính nào cho các sản phẩm?

Trả lời:

Hãy yêu cầu cơ sở kinh tế điền các sản phẩm bổ sung vào các ô trống phía dưới. Đơn vị tính là đơn vị mà doanh nghiệp sử dụng hoặc là đơn vị được sử dụng rộng rãi trong ngành.

Câu hỏi:

Chỉ tiêu Khối lượng sản phẩm xuất kho có bao gồm các sản phẩm dở dang hoặc các sản phẩm phụ không?

Trả lời:

Các sản phẩm trong cuộc điều tra này là các thành phẩm hoặc các sản phẩm đã hoàn thiện. Vì

Câu hỏi:

Để nộp phiếu điều tra đúng hạn, cơ sở kinh tế có thể gửi phiếu điều tra bằng fax. Trong trường hợp đó, các điều tra viên sẽ giải quyết thế nào?

Trả lời:

Hãy chấp nhận phiếu điều tra gửi bằng FAX. Đồng thời, hãy yêu cầu cơ sở kinh tế gửi phiếu điều tra gốc để bổ sung. Khi nhận được phiếu điều tra gốc gửi đến sau, hãy so sánh bản gốc với bản Fax để đảm bảo sự nhất quán.

Câu hỏi

Nếu người chịu trách nhiệm điền phiếu của cơ sở kinh tế từ chối hợp tác với cuộc Điều tra, các điều tra viên phải làm gì?

Trả lời

Hãy kiểm tra và ghi lại lý do không hợp tác với. Đồng thời, hãy thông báo cho Trưởng phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Câu hỏi

Nếu cơ sở kinh tế sử dụng đơn vị sản phẩm khác với đơn vị in trong phiếu điều tra.

Trả lời:

Hãy hỏi cơ sở kinh tế lý do mà họ sử dụng đơn vị khác và chú thích vào phiếu điều tra.

Câu hỏi

Trong phiếu điều tra đã trả lời có thể có nhiều chữ số sau dấu thập phân. Trong trường hợp đó, Điều tra viên nên làm thế nào?

Trả lời:

Hãy yêu cầu các cơ sở kinh tế điền số liệu đã làm tròn.

Câu hỏi:

Trong quá trình phân phát và thu thập phiếu điều tra, nếu có vấn đề gì này sinh, điều tra viên sẽ làm thế nào?

Trả lời:

Để biết thêm thông tin hoặc trong trường hợp cần thiết, hãy liên hệ:

Tổng cục Thống kê

Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

Số 2, Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

VI. VĂN ĐỀ BẢO MẬT

Số liệu thu thập được từ Cuộc điều tra này sẽ được Tổng cục Thống kê sử dụng và phổ biến rộng rãi dưới hình thức đã được tổng hợp. Do vậy, Dữ liệu do các cơ sở kinh tế cung cấp được TUYỆT ĐỐI GIỮ BÍ MẬT.

VII. DANH MỤC SẢN PHẨM ÁP DỤNG CHO ĐIỀU TRA TIỀN TRẠM

Danh mục sản phẩm Điều tra tiên trạm

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1010	Ngành khai thác và thu gom than cung	1	Than Đá (than sạch)	1-1	Than cục các loại	1000 Tấn	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1110	Ngành khai thác dầu thô và khí tự nhiên	1	Dầu mỏ khai thác			1000 Tấn	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1320	Khai thác quặng kim loại màu	1	Quặng đồng 20% Cu			Tấn	
		2	Quặng Niken			Tấn	
		3	Quặng Boxit (quặng nhôm) 42% Al2O3			Tấn	
		4	Quặng kẽm 25-30% Zn			Tấn	
		5	Quặng thiếc 70% Sn			Tấn	
		6	Quặng Wolfram 65% WO3			Tấn	
		7	Quặng Crom 46% Cr203			Tấn	
		8	Quặng Coban			Tấn	
		9	Quặng chì			Tấn	
		10	Quặng Titan 52% TiO2			Tấn	
		11	Quặng Antimoan			Tấn	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1410	Ngành khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh	Đá các loại		1-1	Đá phiến	1000 M3	
				1-2	Đá xây dựng khác Không chứa canxi (Granit, Penpát, ...)	1000 M3	
				1-3	Đá có chứa canxi chưa nghiên (Đá hộc)	1000 M3	
				1-4	MĐá cầm các loại (Đá đẽ nghiên)	1000 M3	
		Đá chẽ				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	Cát đen				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
		Cát vàng				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	Cát trắng				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
		Đá cuội, sỏi				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	Thạch cao các loại (kẽm bột)				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
		Đất sét				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	Cao lanh				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
		Đất chịu lửa				1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	
						1000 M3	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	4	Thịt chế biến khác	4-1	Thịt muối, sấy khô và hun khói	Tấn	
				4-2	Giò chà các loại	Tấn	
				4-3	Jăm bông	Tấn	
				4-4	Xúc xích	Tấn	
				4-5	Lạp xưởng	Tấn	
				4-6	Thịt chế biến khác	Tấn	
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1512	Chế biến bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản	1	Thủy hải sản ướp lạnh			Tấn	Là những sản phẩm thuỷ hải sản đã làm sạch, được bảo quản bằng Đá lạnh hoặc trong phòng lạnh, ở nhiệt độ 0°C.
		2	Thủy hải sản ướp đóng			Tấn	Là những sản phẩm thuỷ hải sản đã làm sạch, qua công đoạn cấp đông (tạ xuống nhiệt độ -45°C).
		3	Thủy hải sản ướp muối, phơi khô, sấy khô, hun khói (Ví dụ: mực khô xé nhỏ)			Tấn	Các sản phẩm thuỷ hải sản muối, sấy khô hoặc hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình muối, sấy khô hoặc hun khói. Sản phẩm này bao gồm cả gan, bọc trứng cá sấy khô, ướp muối, hun khói.
		4	Thủy hải sản đóng hộp	4-1	Cá ngừ đóng hộp	Tấn	
		5	Thủy hải sản xay nhão hoặc dạng mắm đặc	4-2	Cá loại thủy hải sản đóng hộp khác	Tấn	
		6	Nước mắm	6-1	Nước mắm cô đặc	Kg	Các loại thuỷ hải sản được chế biến bằng cách xay nhỏ, hoặc chế biến dưới dạng mắm đặc như: mắm cá, mắm tôm tép moi, tôm chua v.v...
		7	Các sản phẩm thuỷ hải sản khác chưa được phân vào đâu	6-2	Nước mắm các loại (trừ sản phẩm nước mắm cô đặc)	1000 lít	Thuỷ hải sản chế biến khác như: nấu chín làm thức ăn sẵn, xúc xích, giăm bông, chế biến thức ăn gia súc gia cầm và chế biến các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1513 Ngành chế biến và bảo quản rau quả	1	Rau quả đóng hộp	1-1	Rau đóng hộp (gồm cǎ nǎm hộp)	Tấn		
	2	Rau ướp lạnh	1-2	Quả và hạt đóng hộp	Tấn		
	3	Nước quả, nước rau ép (nguyên chất)			Tấn		
	4	Quả và hạt ché biển khác (rang, muối, sấy, dầm dấm)			Lít		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1514 Ngành sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1	Dầu thực vật thô			Tấn	Là các sản phẩm dầu thực vật bằng các phương pháp ép, trung cắt hoặc hydro hoá một phần, nhưng ở dạng thô, chưa được tinh luyện lai.	
	2	Dầu thực vật tinh luyện	2-1	Dầu đậu nành	Tấn		
			2-2	Dầu cọ	Tấn		
			2-3	Dầu dừa	Tấn		
			2-4	Dầu thực vật khác	Tấn	Các loại dầu tinh luyện như dầu lạc, dầu vừng (mè), dầu ô liu v.v...	
	3	Mỡ động vật			Tấn	Mỡ động vật và gia cầm, côn sống hoặc rán chín, đóng lạnh, muối, sấy khô, hun khói. Mỡ ép từ cá và gan cá.	
	4	Margarin (Bơ thực vật)			Tấn	Bơ được làm từ dầu thực vật bao gồm cả daging lồng.	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1520 Ngành sản xuất sữa	1	Sữa hộp đặc có đường			1000 hộp	Sữa hoặc kem được cô đặc và tăng độ ngọt , đóng hộp.	
	2	Sữa tươi tiệt trùng các loại			1000 lít	Sữa tươi tiệt trùng các loại	
	3	Sữa bột các loại			Tấn	Sữa hoặc kem sữa ở dạng bột hoặc các dạng rắn Khác, có hoặc không có đường.	
	4	Bơ các loại			Tấn	Bơ, dầu và các chất béo khác chiết xuất từ sữa.	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1520 Ngành sản xuất sản phẩm bơ sữa	5	Pho mát			Tán		Pho mát tươi (không ủ chín, không ché biến) bao gồm bơ lỏng và bơ đông, pho mát whey và sữa đông dùng làm pho mát, pho mát đã xát nhô hoặc làm thành bột, pho mát ché biến, pho mát vân xanh, pho mát dầy và các loại khác bao gồm cà hỗn hợp.
	6	Sữa chua các loại				1000 lít	Các loại sữa chua, có hoặc không có đường, có hương liệu hoặc sữa chua hỗn hợp các loại thực phẩm khác như hoa quả.
	7	Kem và các loại tương			Tán		Kem, có hoặc không chứa hương liệu hay gồm các loại thực phẩm khác.
	8	Các sản phẩm sữa khác chưa được phân vào đầu			Tán		Các sản phẩm sữa khác như whey, sữa lên men và các sản phẩm khác.
1531 Ngành xay xát, sản xuất bột thô	1	Gạo xay xát và Đánh bóng			Tán		Gỗm hai loại: gạo đã xay xát và cà gạo xay xát rời Đánh bóng.
	2	Bột ngũ cốc		2-1	Bột lúa mì	Tán	Bột ngũ cốc thô, được làm từ ngũ cốc đã xát sạch hoặc ngũ cốc lứt.
				2-2	Bột gạo	Tán	
				2-3	Bột ngô	Tán	
				2-4	Bột từ các hạt khô thuộc họ Đậu	Tán	
	3	Bột khoai, sắn				Tán	Bột thô của khoai lang, khoai mì, khoai sọ, loại trừ khoai tây.
	4	Các loại bột khác				Tán	Các loại bột khác làm từ thân hay rễ, củ quả khác như: bột sắn dây, bột nang, bột rong riềng v.v...
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1533 Ngành sản xuất thực ăn gia súc	1	Thức ăn cho gia súc, gia cầm các loại			Tán		Thức ăn cho gia súc/gia cầm làm từ các loại động thực vật và phế liệu, phế phẩm của các nhà máy khác, ở dạng lỏng, đặc, bột, viên... loại trừ thuốc tăng trọng.
	2	Thức ăn cho thủy sản			Tán		Thức ăn cho thủy sản làm từ các loại động thực vật và phế liệu, phế phẩm của các nhà máy khác, ở dạng lỏng, đặc, bột, viên... loại trừ thuốc tăng trọng.

VSC	Tên VSC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1542	Sản xuất đường	1	Đường thô và mật (đường bánh, đường thùng, mật)			Tấn	Đường mới ép từ nguyên liệu và được cô đặc như mật mía, hoặc đồ khuôn nhu đường phổi, đường thốt nốt.
		2	Đường kính	2-1	Đường tinh chế (đường luyện) - RE	Tấn	Đường tinh luyện đang hột nhỏ hay đang bột, làm từ củ cải đường, cây mía, vv...
		3	Đường chè biến khác	2-2 RS	Đường chưa luyện -	Tấn	Đường vàng, đường hoa mai.

VSC	Tên VSC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1544	Sản xuất các sản phẩm khác từ bột	1	Mì từ bột mỳ sống	1-1	Mì thanh, mì óng, mì xoắn	Tấn	Mì được cán từ bột mỳ sống, có thể trộn thêm một số thực phẩm khác như trứng, gia vị, nghệ... rồi qua công đoạn sấy khô. Thành phẩm ở các dạng thanh tròn, thanh dẹt, hình ống, hình nơ hoặc xoắn, v.v...
				1-2	Mì cuộn	Tấn	Mỳ dạng cuộn với sợi mỳ dạng thanh tròn, thanh dẹt hoặc các loại khác. Sản phẩm này thường được dùng cho món lẩu hoặc dùng với các thành phần khác.
				2	Mì ăn liền	Tấn	
		3	Sản phẩm từ các loại bột khác	3-1	Bún, bánh phở tươi	Tấn	Bún, bánh phở tươi
				3-2	Miến, bánh đa khô	Tấn	Miến, bánh đa khô
				3-3	Bún, phở, cháo ăn liền	Tấn	Bún, phở, cháo ăn liền

VSC	Tên VSC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1549	Sản xuất các thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1	Cà phê	1-1	Cà phê bột các loại (bao gồm cà phê hương liệu)	Tấn	Cà phê dạng bột mịn được xay từ cà phê hạt đã rang chín, có hoặc chưa pha hương liệu.
				1-2	Cà phê hỗn hợp (chứa đường, sữa, vv)	Tấn	Cà phê lọc bã uống liền, có trộn thêm đường và sữa, đã hoặc chưa khử chất cafein.
				1-3	Cà phê đen hòa tan	Tấn	Cà phê tinh chất, đã hoặc chưa khử cafein, có hoặc không pha hương liệu.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1549 Sản xuất các thực phẩm khác chưa được phân vào đầu	Chè			2-1	Trà xanh nguyên chất các loại	Tấn	Lá chè đã qua sao tẩm, giữ nguyên hàm lượng ta-nanh vốn có, có hoặc không tẩm hương liệu. Sản phẩm này bao gồm cả trà xanh túi lọc.
				2-2	Các loại chè khác trừ trà xanh (bao gồm chè hương liệu)	Tấn	Lá chè qua công đoạn chế biến, lọc bớt hàm lượng ta-nanh, có hoặc không tẩm hương liệu. Sản phẩm này bao gồm cả chè đen túi lọc.
	3	Bột ngọt các loại				Tấn	Bột làm từ các chất đã được thay đổi thành phần hoá học như muối natri của glutamic
	4	Bột dinh dưỡng				Tấn	Bột làm từ nhiều thành phần như bột mì, ngũ cốc, trứng và các chất dinh dưỡng khác.
	5	Trứng muối				1000 quả	Trứng muối
	6	Nước chấm các loại				1000 lít	Sản phẩm chế biến từ thực vật, chủ yếu là đậu nành (đậu tương), qua công đoạn ủ, lên men, gia nhiệt hoặc không như: magi (xì dầu), tương, chao v.v...
	7	Dấm				1000 lít	Dấm các loại
	8	Nước xốt các loại (xốt cà chua, ...)				Tấn	Nước xốt các loại, đã hoặc chưa trộn với các thành phần khác như cà chua, rượu, kem
	9	Muối iốt				Tấn	Muối ăn và natri clorua nguyên chất có chứa iốt
	10	Bột gia vị, bột nêm, viên súp				Tấn	Bột gia vị, bột nêm, viên súp
	11	Đậu phụ				Tấn	Đậu phụ
	12	Nước Đá				Tấn	Đá dùng để uống các loại đồ uống, bia và rượu.
	13	Các loại hạt (đã rang hoặc ché biến, nhân hoặc mầm các loại)				Tấn	Không bao gồm các loại kem ăn được và các sản phẩm tương tự.
	14	Các loại thực phẩm khác				Tấn	Các loại hạt đã rang hoặc ché biến, nhân hoặc mầm các loại như hạt điều.
							Các loại thực phẩm khác như các sản phẩm dạng hạt, mặt nhân tạo, caramen và các sản phẩm khác được coi là thực phẩm

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1551	Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh, rượu mùi, sản xuất rượu etyllic từ nguyên liệu lên men	1	Rượu trắng có độ cồn từ 25oC trở lên			1000 Lit	
		2	Rượu màu có độ cồn từ 25oC trở lên			1000 Lit	
		3	Rượu sâm panh các loại			1000 lit	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1553	Ngành sản xuất bia và mạch nha	1	Bia hơi			1000 lit	Bia hơi được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, chưa được tiệt trùng, đóng vào các thùng đựng.
		2	Bia đóng chai			1000 lit	Bia được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, đóng chai.
		3	Bia đóng lon			1000 lit	Bia được làm từ mạch nha, lúa mì, ngô, gạo và yến mạch, đóng lon.
		4	Các loại bia khác chưa được phân vào đâu (Ví dụ: bia tươi,...)			1000 lit	Các loại bia khác chưa được phân vào các sản phẩm trên. Ví dụ: bia tươi, bia pha hương liệu.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1554	Ngành sản xuất đồ uống không cồn	1	Nước uống có ga (Không kẽ nước khoáng)			1000 lit	Các loại đồ uống có ga như sô da hoắc đồ uống ngọt có ga và pha hương liệu như nước cam, pepsi, cocacola, 7 up, v.v...
		2	Nước uống không có ga (Không kẽ nước tinh khiết)	2-1	Nước quả các loại	1000 lit	Nước quả như nước cam, nước bưởi, nước quýt, nước dứa, nước cà chua, nước nho, nước táo, nước dâu và các loại nước quả hỗn hợp.
				2-2	Các loại đồ uống Không có ga khác chưa được phân vào đâu	1000 lit	Nước uống không ga không chứa rau quả như nước vitamin, nước uống dinh dưỡng.
		3	Nước tinh khiết			1000 lit	Nước tinh khiết không được lấy từ mạch nước ngầm, không đường và không mùi.
		4	Nước khoáng			1000 lit	Nước khoáng không đường, không mùi.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1600	Ngành sản xuất các sản phẩm thuốc lá, thuốc lá	1	Thuốc lá điếu	1-1	Thuốc lá có đầu lọc	1000	Các loại thuốc lá điếu chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác, được gắn đầu lọc.
				1-2	Thuốc lá không có đầu lọc	1000	Các loại thuốc lá điếu chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác, không có đầu lọc.
		2	Xì gà			1000	Xì gà và xì gà xén hai đầu có chứa sợi thuốc lá và các sợi thay thế khác.
		3	Lá thuốc lá đã chế biến			Tấn	Lá thuốc lá được sao, tẩm hương liệu hoặc không và đóng gói.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1711	Ngành sản xuất sợi và dệt vải	1	Sợi xe	1-1	Sợi xe từ sợi tơ tằm	Tấn	Sợi tơ tằm với hơn 50% chất liệu làm từ tơ tằm được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				1-2	Sợi xe từ sợi len	Tấn	Sợi len với hơn 50% chất liệu làm từ len được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				1-3	Sợi xe từ sợi bông	Tấn	Sợi cotton với hơn 50% chất liệu làm từ bông được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				1-4	Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên khác	Tấn	Sợi xe từ sợi tự nhiên, trừ các loại sợi kẽ trên với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tự nhiên được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				2-1	Sợi xe từ sợi nilông	Tấn	Sợi xe từ sợi nilông với hơn 50% chất liệu làm từ nilông được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				2-2	Sợi xe từ sợi acrylic	Tấn	Sợi xe từ sợi acrylic với hơn 50% chất liệu làm từ acrylic được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
		2	Sợi xe từ sợi tổng hợp hoặc nhân tạo	2-3	Sợi xe từ sợi polyester	Tấn	Sợi xe từ sợi polyester với hơn 50% chất liệu làm từ polyeste được hoặc không được nhuộm và được đem bán (loại trừ chỉ khâu).
				2-4	Sợi xe từ các sợi tổng hợp khác	Tấn	Sợi xe từ sợi tổng hợp, trừ các loại sợi kẽ trên với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tổng hợp được hoặc không được nhuộm và được đưa ra bán (loại trừ chỉ khâu).

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1711	Prep. of textile fibres; weaving of textiles	3	Chỉ khâu các loại			Tấn	Chỉ khâu các loại được làm từ sợi tự nhiên, sợi nhân tạo và các loại sợi kết hợp được hoặc không được nhuộm.
		4	Vải dệt các loại	4-1	Vải dệt từ sợi bông	1000 m2	Vải dệt từ sợi bông với hơn 50% chất liệu làm từ bông được hoặc không được nhuộm. Không bao gồm vải bat.
		4	Vải dệt các loại	4-2	Vải dệt từ sợi tơ tằm	1000 m2	Vải dệt từ sợi tơ tằm với hơn 50% chất liệu làm từ tơ tằm được hoặc không được nhuộm.
		4	Vải dệt các loại	4-3	Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	1000 m2	Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo với hơn 50% chất liệu làm từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo được hoặc Không được nhuộm.
		4	Vải dệt các loại	4-4	Vải dệt từ sợi len	1000 m2	Vải dệt từ sợi len với hơn 50% chất liệu làm từ len được hoặc không được nhuộm.
		5	Vải bat			1000 m2	Vải bat làm từ sợi bông và các loại sợi khác, được hoặc không được nhuộm, tẩy trắng và in hoa.
		6	Vải mành các loại (chuyên dùng làm lót cho lốp xe)			1000 m2	Lớp lót của các loại lốp xe như lốp xe máy, lốp xe ô tô, được làm từ bất kỳ chất liệu nào như vải bat, sợi tổng hợp và các loại khác.
		7	Khăn mặt, khăn tắm			Tấn	Khăn mặt và khăn tắm các loại được làm hoặc không được làm từ các sợi tự nhiên và sợi nhân tạo.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1810	Ngành sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú)	1	Quần áo len các loại			1000 cái	Quần áo len các loại được hoặc không được đệt kim, đan hoặc móc, bao gồm cả các sản phẩm với trên 50% làm từ len như váy đầm, quần, chân váy, áo dài tay, áo khoác, áo sơ mi, áo chui đầu và các sản phẩm may mặc bằng len khác dành cho người lớn và trẻ em. Không bao gồm áo khoác, áo jacket, quần áo vét, găng tay và găng tay hờ ngón, mũ và quần áo lao động.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		2	Quần áo dệt kim các loại			1000 cái	Các sản phẩm dệt kim, đan hoặc móc các loại "không phải sản phẩm len", bao gồm áo dài tay, áo cổ hoặc không tay, váy, áo khoác, áo sơ mi, quần, đồ lót và các sản phẩm không làm từ len khác được dệt kim, đan hoặc móc. Không bao gồm áo khoác, áo jacket, quần áo vét, găng tay và găng tay hờ ngón, mũ, quần áo lao động và quần áo thể thao.
		3	Áo khoác và áo jacket kết	3-1	Cho người lớn	1000 cái	Áo khoác và áo jacket dành cho người lớn được hoặc không được dệt kim, đan hoặc móc và làm từ mọi chất liệu kẽ cá len. Không bao gồm bộ quần áo vét (áo jacket và quần là một bộ), quần áo lao động và áo khoác và áo jacket bằng da.
		3	Ngành sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú)	3-2	Cho trẻ em	1000 cái	Áo khoác và áo jacket dành cho trẻ em được hoặc không được dệt kim, đan hoặc móc và làm từ mọi chất liệu kẽ cá len. Không bao gồm bộ quần áo vét (áo jacket và quần là một bộ), quần áo lao động và áo khoác và áo jacket bằng da.
1810		4	Quần áo mặc thường (quần, áo, áo dài, váy)	4-1	Cho người lớn	1000 cái	Quần áo mặc thường dành cho người lớn, bao gồm các sản phẩm không được dệt kim và đan móc như áo sơ mi, quần jean, quần, váy, áo gi-lê và áo khoác. Không bao gồm các sản phẩm băng len, áo khoàng hoặc áo jacket, các sản phẩm dệt kim, quần áo thể thao và quần áo lót.
		4		4-2	Cho trẻ em	1000 cái	Quần áo mặc thường dành cho trẻ em, bao gồm các sản phẩm không được dệt kim và đan móc như áo sơ mi, quần jean, quần, váy, áo gi-lê và áo khoác. Không bao gồm các sản phẩm băng len, áo khoàng hoặc áo jacket, các sản phẩm dệt kim, quần áo thể thao và quần áo lót.
		5	Quần áo thể thao			1000 cái	Quần áo thể thao các loại dành cho người lớn được hoặc không được đan hoặc móc, bao gồm bộ đồ trượt tuyêt, bộ đồ bơi. Không bao gồm các sản phẩm băng len.
		6	Quần áo bảo hộ lao động			1000 cái	Quần áo chuyên dùng trong lao động của nam giới và nữ giới, kẽ cá quần áo bảo hộ lao động được hoặc không được làm bằng len, dệt kim, đan hoặc móc.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1810 Ngành sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú)	7	Quần áo lót các loại (Không kể hàng dệt kim)			1000 cái	Quần áo lót các loại dành cho cả người lớn và trẻ em, bao gồm quần lót nam, quần lót nữ, áo lót nữ, tất ngắn, tất dài và các sản phẩm tương tự.	
	8	Bộ com lê			Bộ	Bộ com lê dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm bằng len, dệt kim, đan hoặc móc, bao gồm bộ trang phục kết hợp từ áo jacket với quần hoặc váy để tạo thành một bộ lê phục như com lê, áo dài và các bộ lê phục truyền thống khác.	
	9	Quần áo bằng da			1000 cái	Quần áo dành cho người lớn và trẻ em làm từ da thuộc như áo jacket, áo khoác bằng giả da và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm găng tay và mũ thường và mũ lưỡi trai.	
	10	Quần áo giả da			1000 cái	Quần áo dành cho người lớn và trẻ em làm từ da giả như áo jacket, áo khoác bằng giả da và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm găng tay và mũ.	
	11	Găng tay (trừ găng tay thể thao, găng tay cao su hoặc găng tay đan)			1000 cái	Găng tay dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm từ len, dệt kim, đan hoặc móc từ bất kỳ chất liệu nào. Không bao gồm găng tay thể thao.	
	12	Mũ may các loại			1000 cái	Mũ thường và mũ lưỡi trai dành cho người lớn và trẻ em được hoặc không được làm từ len, dệt kim, đan hoặc móc từ bất kỳ chất liệu nào.	
	13	Các sản phẩm may mặc khác			1000 cái	Các sản phẩm may mặc chưa được phân vào đâu như cà vạt, áo nịt ngực của phụ nữ, khăn che mặt và khăn choàng.	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1920 Ngành sản xuất giày dép	1	Giày, dép, ủng bằng cao su		2-1	Cho người lớn	1000 đôi	Giày dép các loại với hơn 50% chất liệu làm từ cao su, bao gồm cả giày dép hoặc xăng đan chịu nước.
	2	Giày, dép, ủng bằng plastic		2-2	Cho trẻ em	1000 đôi	Giày dép các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ plastic. Không bao gồm giày dép thể thao.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1920	Ngành sản xuất giày dép	3	Giày, dép, ủng bằng da thuộc	3-1	Cho người lớn	1000 đôi	Giày dép các loại bao gồm xăng đan dành cho người lớn với hơn 50% chất liệu làm từ da thuộc. Không bao gồm giày dép thể thao.
				3-2	Cho trẻ em	1000 đôi	Giày dép các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ da thuộc. Không bao gồm giày dép thể thao.
		4	Giày, dép, ủng bằng da giả	4-1	Cho người lớn	1000 đôi	Giày dép các loại bao gồm xăng đan dành cho người lớn với hơn 50% chất liệu làm từ da giả. Không bao gồm giày dép thể thao.
				4-2	Cho trẻ em	1000 đôi	Giày dép các loại bao gồm xăng đan dành cho trẻ em với hơn 50% chất liệu làm từ da giả. Không bao gồm giày dép thể thao.
		5	Giày, dép vải			1000 đôi	Giày dép các loại với hơn 50% chất liệu làm từ vải, bao gồm cả giày dép thể thao.
		6	Giày thể thao			1000 đôi	Giày dép thể thao các loại làm từ mọi chất liệu dành cho người lớn và trẻ em.
		7	Đế giày và các bộ phận khác của giày			1000 đôi	Đế các loại được hoặc không được bán.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2010	Ngành cưa, xẻ và bào gỗ	1	Giỗ xẻ các loại			M3	
		2	Gỗ ngâm tẩm	2-1	Gỗ cây ngâm tẩm	M3	
		3	Gỗ ván sần	2-2	Tà vẹt ngâm tẩm	M3	
		4	Gỗ trụ làm sàn			M3	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2029	Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ;sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện	1	Các sản phẩm gỗ	1-1	Mắc áo	1000 cái	Mắc áo là loại được dùng để treo quần áo. Nguyên liệu chính để sản xuất ra mắc áo là gỗ. Không bao gồm các sản phẩm mắc áo được sản xuất từ nguyên liệu chính là chất dẻo hay kim loại.
		1-2	Hộp, hộp đựng đồ trang sức bằng gỗ	1000 hộp			Hộp gỗ cũ nhỏ dùng để đựng đồ trang sức, mỳ phẩm, vv. Nguyên liệu chính để sản xuất ra hộp là gỗ.
		1-3	Lọ hoa bằng gỗ	1000 lọ			Lọ đựng hoa với nguyên liệu chính là gỗ
		1-4	Tượng gỗ	1000 bức			Các bức tượng như tượng Phật, tượng Bác và các loại tượng khác được sản xuất với nguyên vật liệu chủ yếu là gỗ.
		1-5	Gỗ trang trí nội thất	1000 m ²			Các loại đồ gỗ dùng để ốp tường, trang trí trần, tranh gỗ, hình khói, hình tròn, tam giác, kê ô v.v..
		1-6	Dụng cụ ăn và làm bếp bằng gỗ	1000 cái			Các đồ làm bếp như muỗng xúc cơm bằng gỗ, thớt gỗ.
		1-7	Đũa gỗ	1000 đôi			Đũa làm bằng gỗ bao gồm cả loại dùng một lần. Không bao gồm đũa tre.
		1-8	Các sản phẩm gỗ khác	1000 cái			Các sản phẩm làm từ gỗ khác không được phân vào nhóm các sản phẩm trên
		2-1	Mành tre, màn trúc	1000 m ²			Mành, rèm dùng để che nắng, ngăn tầm nhìn từ bên ngoài; làm từ tre và trúc.
		2-2	Mây tre đan các loại	1000 cái			Các sản phẩm bằng mây tre đan như rõ rá, túi xách, trừ chiếu.
		2-3	Chiếu trúc, chiếu tre (quy chuẩn: 1.5 x 2m)	1000 cái			Chiếu được làm từ nhiều mảnh tre, trúc nhỏ nhô két lại, quy sang kích cỡ chuẩn là 1,5 x 2m để tính toán.
		2-4	Chiếu cối (quy chuẩn: 1.5 x 2m)	1000 cái			Chiếu được đệt từ các sợi cối, dùng để trải giường hay trải sàn nhà. quy sang kích cỡ chuẩn là 1,5 x 2m để tính toán.
		2-5	Đũa tre	1000 đôi			Đũa được làm từ tre bao gồm cả loại đũa dùng một lần. Không bao gồm đũa gỗ.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2029	Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ;sản xuất các sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện bên	2	Các sản phẩm bằng mây tre các loại	2-6	Tăm tre	Tấn	Tăm được làm từ tre. Không bao gồm tăm gỗ
				2-7	Các sản phẩm bằng mây tre khác	1000 cái	Các loại sản phẩm tre khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.
							Các sản phẩm làm từ vật liệu tết bện khác như rơm rạ, thân dây leo, thân dây leo, thân dây leo, tre trúc và mây.
						1000 cái	
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		1	Bột giấy các loại			Tấn	Bột giấy hoá học từ gỗ, loại hoà tan; bột giấy hoá học khác; bột giấy từ gỗ thu được từ phương pháp cơ học, bột giấy từ gỗ
		2	Giấy in	2-1	Giấy in báo	Tấn	Giấy in báo, đang cuộn hoặc tờ
				2-2	Giấy in khác	Tấn	Giấy in khác, trù giấy in báo, đang cuộn hoặc tờ
		3	Giấy viết			Tấn	Giấy không trắng, được sử dụng như một loại giấy viết
		4	Giấy xi măng			Tấn	Giấy dùng để sản xuất bao gói, đặc biệt là bao xi măng, đang cuộn hay tờ
		5	Giấy bao gói hàng			Tấn	Giấy bao gói hàng đang cuộn, dùng để gói hàng, giấy bao gói làm từ bột giấy sunfit, giấy giả da gốc thực vật, giấy chống thấm dầu, giấy can, giấy bóng mờ, giấy bóng trong hoặc các loại giấy trong khác, đang cuộn hoặc đang tờ
		6	Giấy lót ván mả			Tấn	Giấy phục vụ mục đích tín ngưỡng, đã hoặc chưa trắng.
2101	Ngày sản xuất bột giấy, giấy và bia	7	Các loại giấy khác chưa được phân vào đầu	7-1	Giấy ram	Tấn	Giấy phô tô hoặc giấy in các loại với quy chuẩn: A4.
				7-2	Giấy dùng trong nhà vệ sinh	Tấn	Loại giấy mềm, thấm nước, thường ở dạng cuộn, dùng khi đi vệ sinh, đã hoặc chưa tẩy trắng.
				7-3	Các loại giấy khác	Tấn	Các loại giấy khác chưa được phân vào các sản phẩm trên

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2101	Ngày sản xuất bột giấy, giấy và bia	8	Bia các loại			Tấn	Giấy và các tông bồi (được làm bằng cách dán các lớp giấy phẳng hoặc các tông phẳng vào với nhau bằng một lớp keo dính, chưa tráng hoặc thấm tẩm bê mặt, đã hoặc chưa được gia cố với nhau ở dạng cuộn hoặc tờ; giấy bia khác, đã làm chun hoặc nhăn, có hoặc không dập nổi hoặc đục lỗ răng cưa, dạng cuộn hoặc tờ; giấy hoặc các tông, đã tráng một hoặc hai mặt bằng lớp cao lanh hoặc bằng các chất vô cơ khác; có hoặc không có chất kết dính và không có lớp phủ tráng nào khác; có hoặc không nhuộm màu mặt, có hoặc không trang trí in mờ; dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kè cả hình vuông), dạng tờ, với bất kỳ kích cỡ nào.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2102	Ngành sản xuất giấy nhăn và bao bì	1	Giấy gấp nếp l่าน sóng			Tấn	Giấy nhăn và bao bì các loại, đã hoặc chưa đúc lõi hoặc kẽ răng cưa.
		2	Túi giấy (ví dụ: túi xách bằng giấy)			1000 chiếc	Túi giấy (trừ túi bằng chất dẻo) làm từ giấy cán mỏng hoặc giấy tráng, kết hợp giấy và chất dẻo, dùng để đựng đồ mua sắm.
		3	Bao đựng nhiều lớp bằng giấy các loại	3-1	Bao xi măng	1000 bao	Túi giấy nhiều lớp làm bằng giấy và chất dẻo để đựng xi măng
		3	Bao đựng nhiều lớp bằng giấy các loại	3-2	Bao dùng cho các mục đích khác (ví dụ: đựng lương thực, phân bón, vv.)	1000 bao	Túi giấy nhiều lớp làm từ giấy và chất dẻo để đựng phần bón hoặc lương thực, trừ loại túi để đựng xi măng.
		4	Hộp, thùng, khay bằng giấy hoặc bia			1000 cái	Hộp, thùng, khay hoặc các loại khác dùng để đựng đồ, làm bằng giấy, dùng một hoặc nhiều lần; trừ túi giấy

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2109	Ngành sản xuất sản phẩm từ giấy và bia chưa được phân vào đầu	1	Cắt tài liệu bằng giấy, bia			1000 cái	File đựng tài liệu làm bằng bìa mỏng, để lưu trong ngăn kéo hoặc tủ đựng tài liệu, dùng để đựng tài liệu, giấy tờ giao dịch và các loại file khác, làm từ giấy và bìa.
		2	Phong bì, bưu thiếp và các sản phẩm tương tự bằng giấy			1000 cái	Phong bì, bưu thiếp, bưu thiếp tròn và danh thiệp, các loại hộp, bao nhỏ, ví, làm bằng giấy hoặc bìa.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2109 Ngành sản xuất sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu		3	Các sản phẩm bằng giấy đúc dùng một lần (ví dụ cốc, đĩa, vv.)			1000 cái	Các sản phẩm làm bằng giấy đúc dùng một lần như hộp đựng trứng, hộp đựng thức ăn, khai thức ăn, cốc, lọ hoa, vv.
		4	Giấy vệ sinh	4-1	Khăn giấy cao cấp	Tấn	Khăn giấy mềm, dùng một lần, đặc biệt dùng để lau mặt hoặc dùng như khăn mùi xoa.
				4-2	Tã lót bằng giấy	Tấn	Tã lót làm bằng nguyên liệu mềm, hút ẩm, dùng như đó lót để thấm nước thải cho trẻ em dùng một lần.
				4-3	Băng vệ sinh phụ nữ	Tấn	Loại băng vệ sinh dùng một lần cho phụ nữ trong kỳ kinh nguyệt.
		5	Nhãn Decal			1000 chiếc	Sản phẩm giấy có keo dính như nhãn, tờ giấy nhỏ có keo.
		6	Giấy thiệp kẽ			1000 thép	Giấy thiệp kẽ chưa đóng gáy các loại. Sản phẩm này bao gồm cả giấy kẽ dùng để ghi chép và các loại tương tự khác.
		7	Vở học sinh (quy loại 100 trang)			1000 quyển	Vở (bao gồm cả các loại vở đã đóng bìa bằng dây hoặc bằng chất dẻo), quy sang kích cỡ chuẩn là 100 trang.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2221 Ngành in		1	Trang in typo (quy khổ 13 x 19)			Triệu trang	Trang in typo, quy sang quy chuẩn 13x19cm để tính toán.
		2	Trang in offset (quy khổ 13 x 19)			Triệu trang	Trang in offset, quy sang quy chuẩn 13x19cm để tính toán.
		3	Trang in đặc biệt (loại trữ in trên giấy)			Triệu trang	Các loại trang in đặc biệt khác trừ in type và in offset, như im tem, in tiền.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2412 Ngành sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		1	Amoniac (NH3 - nồng độ chuẩn 99%)			Tấn	Amoniac, dạng Khan hoặc dạng dung dịch nước, quy sang nồng độ chuẩn là 99% để tính toán.
		2	Axit Nitric (HNO3 - nồng độ chuẩn 72%)			Tấn	Chất lỏng màu vàng hoặc không màu, ăn mòn, là một chất oxy hoá phản ứng nhanh. Quy sang nồng độ chuẩn là 72% để tính toán.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2412 Fertilizers and nitrogen compounds	3	Phân Urê (Phân đậm 46% Nitơ)			Tán		Phân Urê, chứa 46% nitơ, có hoặc không ở dạng dung dịch nước, amoni sunfat, muối kép và hỗn hợp của amoni sunfat và amoni nitrat; amoni sunfat, amoni nitrat, có hoặc Không ở dạng dung dịch nước; hỗn hợp của amoni nitrat với canxi carbonat hoặc các chất vô cơ không có tính chất làm màu mỡ cho Đất khác.
	4	Supé lân ((P2O5))			Tán		Hỗn hợp phân có thể hòa tan được sản xuất bằng cách xử lý các loại phốt phat khoáng không hòa tan bằng axit, hoặc axit sunfuric, axit photphoric, hay kết hợp các hai loại. Bao gồm cả loại supé lân ba ba thành phần.
	5	Phân lân nung chảy			Tán		Phân bón hỗn hợp hoặc chứa phốt phat có thể hòa tan như phân bón phốt phat nung chảy làm từ Đá chì/Đá phốt pho, xi than, vv.
	6	Phân kali, phốt phat			Tán		Bất kỳ một trong ba loại octophotphat nào bao gồm Kali monophosphate (K_2HPO_5), potassium diphosphate (KH_2PO_4), and tripotassium phosphate (K_3PO_4)) được sử dụng làm phân bón.
	7	Phân hỗn hợp (N P K)			Tán		Phân bón khoáng chất hoặc hóa chất khác chưa bao thành phần Nitơ, Phốtpho và Kali
	8	Phân vi sinh			Tán		Phân có chứa vi sinh vật để phục hồi độ màu mỡ của Đất bằng sự lên men và phân hủy.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2422 tương tự, sản xuất mục in và ma tilt	1	Sơn các loại dùng trong xây dựng				Tán	Sơn dùng để sơn trong và ngoài các tòa nhà
	2	Sơn chống rỉ				Tán	Một loại sơn có chất độc hại dùng để ngăn ngừa tình trạng han gỉ, đặc biệt là Đáy tàu, thuyền.
	3	Sơn công nghiệp	3-1	Sơn dùng cho gỗ	Tán	Sơn công nghiệp dùng cho vật liệu gỗ; đang phun, đang nước, đang bột, vv..	
			3-2	Các loại sơn công nghiệp khác	Tán	Các loại sơn dùng cho kim loại và chất dẻo, trừ các nguyên liệu gỗ; đang phun, đang nước, đang bột, vv.	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		4	Sơn dùng cho giao thông			Tấn	Sơn dùng cho giao thông là loại sơn phản quang không cháy, không chứa chì, nhanh khô, có nhiều màu, sơn được trên bê tông và nhựa đường để phân biệt đường cao tốc, khu đỗ xe, khu vực sang đường, nơi dừng xe, phân luồng đường, vv.
		5	Men trắng			Tấn	Một loại chất lỏng sơn lên bề mặt để tạo độ bóng và tăng độ bền do có chứa vecni, polyurethane, nhựa alkyd, bazơ acrylic.
		6	Sơn mài			Tấn	Một loại sơn lỏng dùng để tạo độ bền, bóng, sáng và tạo màu, được sản xuất từ nhựa thông hay chất tương tự hay chất dẫn xuất xenlulô và chất làm dẻo mềm trong dung môi nhanh bay hơi.
		7	Véc ni			Tấn	Một loại chất lỏng dùng để Đánh l ên bê mặt và đẽ khô nhằm tạo độ bóng, độ bền đặc trưng.
2422	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn quết tương tự, sơn xuất mực in và ma tit	8-1	Mực in khuôn kẽm (Gravure)			Tấn	Một loại mực in có chứa nước và chứa một lượng dung môi lớn sử dụng cho quá trình chạm chìm của phương pháp in quang cổ, như in bằn kẽm và in bằng máy quay in.
		8-2	Mực in nổi bằng khuôn mềm (Flexo)			Tấn	Mực in được làm từ xenlulô- axetat- propionate este nhựa thông; có thể hòa tan trong cồn và các loại nhựa thông.
		8-3	Mực in offset			Tấn	Mực in dùng cho thuật in thạch bản, không chứa các nguyên tử nước, chỉ chứa vecni dùng cho thuật in thạch bản hay các loại sơn mài dùng làm dung môi.
		9	Ma tit			Tấn	Một loại nhựa thơm từ cây ma tit, sử dụng đặc biệt để Đánh bóng, dùng trong sơn mài, chất kết dính và dùng như chất làm se.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1	Thuốc nước (Không kê rượu thuốc)			1-1	Thuốc Kháng sinh dạng lỏng	Lít	Thuốc nước Kháng sinh để tiêm dung để chữa trị các chứng nhiễm trùng do vi trùng hoặc các loại vi sinh vật khác gây ra. Không bao gồm các loại thuốc kháng sinh dùng để uống.
				1-2	Các loại thuốc nước để tiêm khác (trừ thuốc kháng sinh)	Lít	Các loại thuốc nước khác dùng để tiêm loại trừ thuốc nước kháng sinh.
				1-3	Thuốc nước dùng để uống	Lít	Thuốc ở dạng lỏng dùng để uống như loại dung dịch uống
				1-4	Thuốc nước dùng để xịt, nhỏ	Lít	Thuốc ở dạng lỏng dùng để xịt, xoa lên da
2	Thuốc viên nén/Viên con nhộng			2-1	Thuốc viên kháng sinh	Triệu viên	Thuốc viên dạng viên nén nhỏ hình tròn hoặc hình trụ hay dạng cõm/bột đựng trong viên hình con nhộng có chứa thuốc kháng sinh đã đeo và nén.
				2-2	Thuốc viên khác (trừ kháng sinh)	Triệu viên	Thuốc viên dạng cõm/bột đựng trong viên hình tròn hoặc hình trụ hay dạng cõm/bột đựng trong viên hình con nhộng có chứa thuốc đã đeo và nén; trừ thuốc kháng sinh.
3	Thuốc dạng bột/dạng cõm			3-1	Thuốc Kháng sinh dạng bột/dạng cõm	Kg	Thuốc dạng cõm/bột chữa thuốc kháng sinh
				3-2	Thuốc dạng bột/dạng cõm khác (loại trừ kháng sinh)	Kg	Thuốc dạng cõm/bột không chữa thuốc kháng sinh
4	Rượu thuốc					Lít	Rượu được ngâm với các loại thảo dược và động vật, dùng để phòng, chữa bệnh
5	Dung dịch truyền					Lít	Dung dịch truyền các loại.
6	Thuốc mỡ các loại			6-1	Thuốc mỡ kháng sinh	Kg	Các chế phẩm dạng đặc, dùng để bôi ngoài da, chứa các chất kháng sinh như bacitracin, mupirocin, vv.
				6-2	Thuốc mỡ khác (loại trừ kháng sinh)	Kg	Các chế phẩm dạng đặc, dùng để bôi ngoài da, không chứa các chất kháng sinh.
7	Thuốc thảo dược các loại đã được bào chế					Kg	Các loại thuốc hoặc chế phẩm làm từ thảo dược, dùng để ngăn ngừa và điều trị các bệnh hoặc để tăng cường sức khỏe cũng như làm lành các vết thương như cây lá quạt, hoa cúc thảo dược, vv.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả				
2423 Ngành sản xuất thuốc, hóa dược và được liệu	8 Các sản phẩm dùng ngoài da	8-1 Dầu xoa dạng nước	Lit	Một chế phẩm dạng nước dùng để xoa ngoài cơ thể, có hoặc không chứa các chất kháng sinh.	8-2 Cao xoa	Kg	Chế phẩm dạng khô để bôi ngoài da, có hoặc không chứa các chất kháng sinh.				
	9 Các loại vắc xin phòng bệnh cho người	8-3 Cao dán	m2	Loại cao dán dùng để chữa bệnh bằng cách dán lên những chỗ đau của cơ thể	1000 liều	Chế phẩm dùng để ngăn ngừa sự nhiễm trùng ban đầu cho người (Không kê cho động vật), dùng để ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh.					
	10 Thuốc dùng cho gia súc, gia cầm	10-1 Vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	1000 liều	Chế phẩm dùng để ngăn ngừa sự nhiễm trùng ban đầu cho gia súc và gia cầm (Không kê chế phẩm dùng cho người), dùng để ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh.	10-2 Các loại thuốc tiêm dùng cho gia súc, gia cầm	Lit	Các loại thuốc dạng nước thuốc ống để tiêm trừ các loại vắc xin phòng bệnh cho động vật.				
	11 Các sản phẩm y tế khác	10-3 Các loại thuốc dạng bột dùng cho gia súc, gia cầm	Kg	Thuốc dạng cát hay dạng bột dùng cho động vật.	11-1 Chỉ khâu y tế	Kg	Chỉ khâu y tế các loại như chỉ tự tiêu, chỉ khâu chít đeo, chỉ khâu phẫu thuật không thấm nước, vv.				
		11-2 Chất khử trùng (bao gồm cả thuốc sát trùng)	Lit								
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả				
2424 Ngành sản xuất mỹ phẩm, xà phông, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	1 da	Các sản phẩm dưỡng da	1-1 Sữa rửa mặt	1000 lít	Sữa dùng để rửa mặt hoặc tẩy trang	Kem dưỡng da dạng kem như kem giữ ẩm, kem làm trắng da.					

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
	1	Các sản phẩm dưỡng da	1-3 Dầu xức da	Lít	Dầu xức lên da sau khi tắm để duy trì độ ẩm của da.		
			1-4 Các sản phẩm dưỡng da khác	Ton	Các sản phẩm dưỡng da khác trừ sữa rửa mặt, kem dưỡng da và dầu xức.		
	2	Các sản phẩm dưỡng tóc	2-1 Dầu gội đầu	1000 lít	Chế phẩm dạng lỏng dùng để gội đầu các loại		
			2-2 Dầu xả, dưỡng tóc	1000 lít	Các chế phẩm dùng để dưỡng tóc hoặc nhuộm màu nhẹ các loại		
			2-3 Các sản phẩm chăm sóc tóc khác	1000 lít	Các sản phẩm chăm sóc tóc khác trừ dầu gội đầu, dầu xả, dưỡng tóc hay điều trị tóc.		
	3	Xà phòng dạng bánh, dạng lỏng, dạng bột	3-1 Xà phòng bánh (dùng để tắm)	Tấn	Xà phòng dạng bánh dùng để tắm. Không bao gồm xà phòng để rửa mặt.		
			3-2 Sữa tắm	1000 lít	Xà phòng dạng lỏng hay dạng sữa dùng để tắm.		
			3-3 Xà phòng giặt các loại	Tấn	Xà phòng các loại dùng để giặt quần áo		
	4	Các chất tẩy rửa khác		1000 lít	Chất tẩy tông hợp dạng bột, dạng bánh, dạng lỏng hay các dạng khác, với mục đích vệ sinh nhà, bếp, hay dùng để rửa bát đĩa.		
2424	Soap, cleaning preps, perfumes, cosmetics, etc.	Kem Đánh răng (quy chuẩn 175g/ống)		1000 ống	Thuốc Đánh răng dạng kem đặc, thường chứa chất giữ độ ẩm, chất Đánh bóng, chất sát trùng, chất tạo hương và chứa các chất ngăn ngừa vi khuẩn, chống sâu răng hoặc các loại được liệu khác. Quy đổi sang kích cỡ 175 g để tính toán.		
	5	Nước hoa và nước xịt phòng (phòng ở, phòng vệ sinh)	6-1 Nước hoa	Lít	Một chất có mùi thơm dễ chịu, chế xuất đang lỏng từ tinh chất tự nhiên (từ động thực vật) hay chất tổng hợp, dùng để tạo hương thơm.		
			6-2 Nước xịt phòng (phòng ở, phòng vệ sinh)	Lít	Một dạng chất lỏng với hương thơm nhẹ hơn nước hoa		
	6	Sáp thơm, chất khử mùi trong phòng	6-3 Sáp thơm, chất khử mùi trong phòng	Tấn	Chất khử mùi và tạo hương thơm, dạng lỏng hay dạng rắn		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2424	Ngành sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	7	Các sản phẩm trang điểm	7-1	Kem nền, phấn trang điểm	Kg	Kem nền là một loại mỹ phẩm dạng lỏng, dạng kem hoặc dạng bánh, thường có màu, thoa lên da trước khi trang điểm. Phấn trang điểm là loại bột mỹ phẩm màu da, thoa lên mặt để tạo cảm giác mịn màng và giảm ánh nắng chiếu.
				7-2	Son môi	1000 thỏi	Mỹ phẩm dạng thời hoặc dạng nước, có màu, dùng để thoa lên môi tạo màu
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2429	Ngành sản xuất các sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	1	Tinh dầu và tinh chất chiết xuất			Kg	Tinh dầu thơm hay nước thơm chiết xuất từ hoa, đang lỏng
		2	Các chất kết dính (keo, hồ dán, vv)			Kg	Chất dùng để gắn các vật thể lại với nhau như keo dán, hồ dán
		3	Chế phẩm bôi trơn các loại			Tấn	Bất cứ một chất nào được sử dụng để bôi trơn
		4	Hoá chất chống cháy			Tấn	Hoá chất dạng lỏng hoặc các dạng khác được sử dụng như lớp vỏ hoặc dùng để tạo nguyên liệu chống cháy nhằm làm giảm nguy cơ bốc cháy.
		5	Thuốc nổ, ngòi nổ, kíp nổ			Tấn	Bột nổ đầy, ngòi an toàn, ngòi nổ, kíp nổ hay đầu đạn cơ bản, đầu đốt cháy, kíp nổ Điện.
		6	Dây cháy chậm			1000 mét	Một loại dây nối chát nổ với ngòi nổ.
		7	Các loại băng đĩa trắng (băng video, băng кат xét, vv.)			1000 cái	Nguyên liệu cho hàng tiêu dùng trong ngành Điện tử như đĩa mềm, băng từ (ví dụ: dùng cho thiết bị nghe nhìn, video), đĩa compact (đĩa ghi và đĩa ghi đè), băng và đĩa mềm máy tính.
		8	Giấy ăn			m2	Giấy nhay sáng dùng để in ảnh với các loại kích cỡ và chất lượng.
		9	Canxi cacbonat			Tấn	Một loại hợp chất màu trắng không hòa tan trong nước, có trong tự nhiên như phấn, Đá vôi, cát thạch và canxit, vỏ động vật thân mềm, dùng làm antacid, sơn, xi măng, thuốc Đánh răng, không kê phân bón.
		10	Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu			Tấn	Các sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2511	Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su	1	Lốp cho xe có động cơ	1-1	Lốp ô tô loại 4 chỗ ngồi	1000 cái	Lốp hơi, không bao gồm săm xe, dành cho xe chở người, loại từ 2-4 cửa với 4 chỗ ngồi lên và thường có mui liền.
				1-2	Lốp xe tải và xe buýt	1000 cái	Lốp hơi, không bao gồm săm xe, dành cho xe buýt và xe tải
				1-3	Lốp mô tô, xe máy, xích lô	1000 cái	Lốp hơi, không bao gồm săm xe, dành cho ô tô
	Săm xe đạp	2	Lốp xe đạp			1000 cái	Lốp hơi, không bao gồm săm xe, dành cho xe đạp
				3-1	Săm ô tô các loại	1000 cái	Một vòng tròn rỗng, mềm, kín hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp đúc hơi cho ô tô các loại, trừ săm dành cho xe máy và xe đạp
				3-2	Săm mỏ tó, xe máy, xích lô	1000 cái	Một vòng tròn rỗng, mềm, kín hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp đúc hơi cho xe máy các loại, trừ săm dành cho xe đạp và ô tô
				3-3	Săm xe đạp	1000 cái	Một vòng tròn rỗng, mềm, kín hơi được làm từ cao su, được nhồi vào trong lốp đúc hơi cho xe đạp các loại, trừ săm dành cho xe máy và ô tô
				4	Lốp ô tô đắp lại	1000 cái	Loại lốp được tái chế lại, đúc lại các loại
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2519	Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	1	Ống cao su thường	1-1	Ống φ dưới 400 mm	1000 m	Ống, ống dẫn, ống với băng cao su, trữ cao su chịu lực, với đường kính dưới 400mm
				1-2	Ống φ từ 400 mm trở lên	1000 m	Ống, ống dẫn, ống với băng cao su, trữ cao su chịu lực, với đường kính trên 400mm
		2	Ống cao su chịu lực	2-1	Ống φ dưới 400 mm	1000 m	Ống, ống dẫn, ống với đường kính dưới 400mm
				2-2	Ống φ từ 400 mm trở lên	1000 m	Ống, ống dẫn, ống với băng cao su chịu lực, trữ cao su thường, với đường kính trên 400mm

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2519	Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	3	Dải băng tài bằng cao su			1000 m	Băng tài cao su, chỉ được gia cố bằng kim loại hay chỉ được gia cố bằng nguyên vật liệu dệt.
		4	Dây cu roa dẹt các loại			1000 m	Một thiết bị bao gồm một dải cao su dẹt, rộng, nối liền như băng truyền các loại.
		5	Dây cu roa dẹt hình thang			1000 m	Dây cu roa có bánh răng, thường được làm từ cao su già cường, như dây curoa điều chỉnh dùng trong trực cam của động cơ đốt trong.
		6	Vải tráng cao su			1000 m ²	Vải tráng cao su, trừ vải mành dùng làm lốp.
		7	Joăng, phớt cao su các loại			Tấn	Miếng cao su hình tròn, nhỏ, dẹt với một lỗ ở giữa. Sản phẩm này thường được đặt ở các đai ốc để rải đều áp lực và tránh hư hại cho các bộ phận.
		8	Quần áo bằng cao su			1000 chiếc	Bao gồm cà áo mưa làm từ cao su.
		9	Găng tay cao su			1000 đôi	Găng tay cho người lớn và trẻ em được làm từ nguyên liệu chính là cao su.
		10	Bao cao su tránh thai			1000 chiếc	Bao cao su ngừa thai các loại
		11	Dây thun khoanh			Tấn	Dây cao su hoặc nhựa mủ dùng cho các mục đích khác nhau.
2520	Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ plastic						
		VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết
				1	Ống bằng plastic các loại	1-1	Ống nhựa mềm
				2	Phụ tùng ống nối các loại bằng plastic	1-2	Ống nhựa cứng Ø dưới 50 mm
				3	Bao bì bằng plastic	1-3	Ống nhựa cứng Ø từ 50 mm trở lên

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2520 Ngành sản xuất các sản phẩm khác từ plastic	4 Màng mỏng bao gói bằng plastic	4-1 Màng gói bằng chất dẻo mềm	Màng gói bằng chất dẻo cứng	4-2 Màng gói bằng chất dẻo cứng	1000 m2	Nguyên liệu chất dẻo mềm và mỏng dùng để gói đồ.	
					1000 m2	Nguyên liệu chất dẻo cứng dùng để gói đồ.	
	5 Vật liệu bằng plastic dùng trong xây dựng (trừ ống và phụ tùng ống nối)	5-1 Tấm lát sàn, trần, ốp tường, tấm lợp	5-2 Vật liệu xây dựng khác bằng plastic		1000 m2	Nguyên liệu sản nhà, trần nhà, tường và mái nhà bằng plastic đang cuộn hay đang viên gach.	
					1000 m2	Các nguyên liệu chất dẻo khác dùng trong xây dựng trừ ống, ống nối, phụ kiện và nguyên liệu cho sàn nhà, trần nhà, tường đang cuộn hay đang viên gach.	
	6 Khuôn đúc bằng plastic				Tấn	Các sản phẩm bằng khuôn đúc bằng chất dẻo bao gồm đĩa, tăm, tăm dẹt và tăm hình sóng.	
					Tấn	Đồ dùng gia đình như đồ dùng nhà bếp, nhà tắm, phòng khách, vv.	
	7 Sản phẩm gia dụng và văn phòng bằng plastic	7-1 Bồn rửa		8-1 Bồn tắm	1000 bộ	Đồ nhựa bằng plastic có thành, chủ yếu dùng để đựng nước và rửa, giặt đồ.	
					1000 cái	Chậu tắm bằng plastic các loại	
	8 Sản phẩm dùng trong nhà vệ sinh bằng plastic	8-2 Bồn tắm	8-3 Bệ xí		1000 bộ	Bệ xí các loại bằng plastic	
					1000 cái	Ao mưa chống thấm nước bằng plastic các loại.	
	9 Áo mưa				1000 cái	Các loại sản phẩm bằng plastic khác chưa được phân vào đâu.	
	10 Các sản phẩm khác bằng plastic				Tấn		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2610 Ngành sản xuất thuỷ tinh và các sản phẩm từ thuỷ tinh	1 Kính thuỷ tinh		1-1 Kính thuỷ tinh thường (quy chuẩn 2 mm)	1000 m2	Thủy tinh tấm thông thường trừ thủy tinh nồi. Quy sang độ dày 2mm để tính toán.		
					Loại kính phẳng tuyệt đối, gắn như ở dạng thuỷ tinh không méo, được sản xuất bằng cách đỗ đỗ thuỷ tinh nung chảy lên bề mặt của kẽm nấu chảy. Quy sang quy chuẩn độ dày 2mm để tính toán.		
	2 Chai thuỷ tinh từ 250 ml trở lên			1000 cái	Chai thuỷ tinh với thể tích trên 250ml các loại, có hoặc không màu.		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2610 Ngành sản xuất thuỷ tinh và các sản phẩm từ thuỷ tinh	3 Đồ gia dụng khác bằng thuỷ tinh thường					Tấn	Chai, lọ, ống và các loại đồ đựng bằng thuỷ tinh khác (thể tích nhỏ hơn 250ml) các loại, dùng để vận chuyển hay đựng hàng hoá, trừ ống thuỷ tinh; các đồ bằng thuỷ tinh dùng trong phòng ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, văn phòng, trang trí nội thất hay mục đích tương tự (trừ chai, lọ và đèn trang trí bằng thuỷ tinh); đồng hồ thuỷ tinh và các sản phẩm thuỷ tinh tương tự; các sản phẩm thuỷ tinh tương tự khác.
		4 Các sản phẩm bằng phá lê				Tấn	Các sản phẩm bằng pha lê, có hoặc Không màu, bao gồm bộ đồ ăn, dụng cụ quang học, lăng kính, kính, gương và các đồ trang trí khác.
	5 Phích nước hoàn chỉnh					1000 cái	Sản phẩm phích nước hoàn chỉnh, trừ ruột phích
		6 Ruột phích nước thương phẩm				1000 cái	Ruột phích thương phẩm để sản xuất phích nước, trừ Phích nước hoàn chỉnh.
	7 Các sản phẩm thuỷ tinh dùng cho y tế, phòng thí nghiệm					Tấn	Bình lớn có vỏ bọc, hũ nhỏ, chai và bình có thể tích hơn 1 lít; bình và lọ nhỏ để đựng thuốc kháng sinh, các loại bình truyền khác có thể tích dưới 1 lit, các loại chai lọ đựng dung dịch, ống thuốc và các loại tương tự khác.
		8 Thuỷ tinh cách Điện				1000 quả	Sản phẩm thuỷ tinh cách Điện và các sản phẩm tương tự khác.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2691	Sản xuất đồ gốm sứ không chiếu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng)	1 Đồ sứ vệ sinh		1-1	Bồn tắm bằng sứ	1000 cái	Bồn tắm bằng sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.
				1-2	Bồn rửa mặt bằng sứ	1000 bộ	Chậu rửa mặt bằng sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.
				1-3	Bệ xí bằng sứ	1000 bộ	Bệ xí bằng sứ các loại, trừ những loại làm bằng vật liệu khác.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2691 Sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng)	Đồ gia dụng bằng gốm sứ	2-1	Bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp bằng gốm sứ	2-1	Bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp bằng gốm sứ	1000 bộ	Bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp bằng gốm sứ các loại, trừ những loại được làm từ nguyên vật liệu khác.
		2-2	Lọ hoa bằng gốm sứ	2-2	Lọ hoa bằng gốm sứ	1000 lọ	Lọ hoa bằng gốm sứ các loại, trừ những loại được làm từ nguyên vật liệu khác.
		2-3	Các đồ gia dụng bằng gốm sứ khác	2-3	Các đồ gia dụng bằng gốm sứ khác	1000 cái	Các đồ gia dụng bằng gốm sứ khác, trừ bộ đồ ăn uống, bộ đồ nhà bếp và lọ hoa.
		3-1	Sứ cách Điện	3-1	Sứ cách Điện dưới 6KV	1000 quả	Sản phẩm cách Điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt Điện dưới 6KV.
		3-2	Sứ cách Điện	3-2	Sứ cách Điện từ 6 KV đến 35 KV	1000 quả	Sản phẩm cách Điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt Điện trên 6KV nhưng không quá 35KV.
		3-3	Sứ cách Điện	3-3	Sứ cách Điện trên 35 KV	1000 quả	Sản phẩm cách Điện bằng sứ để cách dây cáp nhiệt Điện trên 35KV.
	Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm/ công nghiệp khác	4				1000 cái	Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm và công nghiệp các loại như nồi nấu kim loại, bình, bình đốt cháy để phân tích hóa học.
	Các sản phẩm gốm sứ khác	5				1000 cái	Các sản phẩm gốm sứ khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2693 Ngành sản xuất gạch ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa	Gạch xây bằng Đất nung các loại (quy chuẩn 220x105x60 mm)	1	Gạch xây bằng Đất nung các loại (quy chuẩn 220x105x60 mm)			1000 viên	Gạch xây bằng Đất nung các loại. Quy chuẩn cỡ 220x105x60 mm để tính toán.
		2	Ngói lợp các loại (quy chuẩn 22 viên/ m2)			1000 viên	Ngói lợp các loại. Quy chuẩn 22 viên/m2 để tính toán.
	Gạch lát ceramic	3	Gạch lát ceramic			1000 m2	Gạch lát ceramic các loại, hình chữ nhật hoặc hình khác.
		4	Gạch lát granit nhân tạo			1000 m2	Gạch lát granit các loại, hình chữ nhật hoặc hình khác.
	Gạch ốp tường	5	Gạch ốp tường			1000 m2	Gạch, gạch lát hình khối và các sản phẩm tương tự. Gạch được dùng để trang trí tường, đặc biệt là trong nhà bếp và nhà tắm.
		6	Các sản phẩm gạch nung không chịu lửa khác			1000 viên	Các sản phẩm gạch nung không chịu lửa khác trừ gạch xây bằng Đất nung, gạch lát ceramic, gạch lát granit nhân tạo.
	Ông sành các loại	7	Ông sành các loại			1000 ống	Ông sành các loại

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2694	Ngành sản xuất xi măng, vữa vữa	1	Vữa các loại			Tấn	Vữa các loại, dạng bột hoặc các dạng khác.
		2	Vôi các loại			Tấn	Vôi các loại như vôi bột, vôi đá tối, vôi cứng trong nước.
2695	Ngành sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	3	Xi măng	3-1	Xi măng Pooclan đen	Tấn	Xi măng poc lan đen các loại
				3-2	Xi măng Pooclan bền sunphát (chiếu mặn)	Tấn	Xi măng poc lan chịu mặn các loại
				3-3	Xi măng Pooclan trắng	Tấn	Xi măng poc lan chỉ khác xi măng đen ở màu sắc.
				3-4	Cланке Pooclan	Tấn	Cланке các loại bao gồm cành ke thường và cành ke chịu được sun phát.
				3-5	Các loại xi măng khác	Tấn	Các sản phẩm xi măng khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		1	Bê tông trộn sẵn (Bê tông tươi)			m3	Hỗn hợp xi măng và một số nguyên liệu khác được pha trộn theo một tỷ lệ nhất định.
		2	Các sản phẩm bê tông cốt sắt	2-1	Ông bê tông các loại	m3	Ông bê tông cốt sắt các loại
		3	Các khối bê tông thường	2-2	Cột bê tông các loại	m3	Cột bê tông cốt sắt các loại
				2-3	Cọc bê tông	m3	Cọc bê tông cốt sắt các loại
				3-1	Tấm poc nan, tấm đan	m2	Bao gồm các tấm bê tông già cũ, bê tông dự ứng lực, vv.
				3-2	Các khối bê tông kè bờ	m3	Các khối bê tông bao gồm các khối bê tông có lõi, được sử dụng đặc biệt trong bao vệ bờ sông, chỗ lõi đọc bờ sông, bảo vệ sụt xói mòn của dòng nước hay lũ lụt. Trừ các tấm bê tông.
				3-3	Các khối bê tông lát đường	m3	Các sản phẩm bê tông dùng trong xây dựng đường xá, trừ tấm bê tông.
		4	Các khối bê tông dự ứng lực	4-1	Cột và xà	m3	Cột và xà gia cố bê tông có gắn cáp và dây thép đẽ chiều dài.
				4-2	Các sản phẩm bê tông dự ứng lực khác	m3	Các sản phẩm bê tông dự ứng lực khác trừ cột và xà.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2695	Ngành sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	5	Các sản phẩm bê tông khác	5-1	Tấm lợp xi măng amiăng hình sóng	1000m2	Tấm xi măng hình sóng chịu lửa được sản xuất từ sợi amiăng và xi măng poc lan.
				5-2	Các sản phẩm bê tông khác chưa được phân vào đầu	m3	Các sản phẩm bê tông khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2710	Ngành sản xuất sắt, thép	1	Gang các loại	1-1	Gang đẽ sản xuất thép	Tấn	Gang đẽ sản xuất thép, đang khôi hoặc các dạng cơ bản khác, trừ gang đúc.
				1-2	Gang đúc	Tấn	Gang đúc dạng khối hoặc các dạng cơ bản khác, trừ gang đẽ sản xuất thép.
		2	Thép thời và thép đúc	2-1	Thép thời thường	Tấn	Thép thời thường trừ thép thời hợp kim.
				2-2	Thép thời hợp kim	Tấn	Thép thời hợp kim, trừ thép thời thường.
				2-3	Thép thường đúc	Tấn	Thép thời thường đúc, trừ thép hợp kim.
				2-4	Thép hợp kim đúc	Tấn	Thép hợp kim đúc, trừ thép thường
				3-1	Đường ray	Tấn	Nguyên liệu xây dựng đường ray xe lửa hoặc xe điện bằng sắt hoặc thép
				3-2	Tấm sắt cọc	Tấn	Tấm sắt cọc các loại
				3-3	Ông thép	Tấn	Ông thép các loại
				3-4	Thép tấm các loại	Tấn	Thép lá dã ma, tráng, phủ
				3-5	Thép lá chưa mạ, tráng, phủ	Tấn	Thép lá chưa mạ, tráng, phủ
		3	Thép hình các loại	3-6	Thép thanh, thép góc	Tấn	Thép thanh, thép góc các loại
				3-7	Sắt tròn Ø 8 mm trở xuống	Tấn	Sắt tròn có đường kính dưới 8mm
				3-8	Các loại sắt khác (Sắt cây)	Tấn	Các loại sắt khác chưa được phân vào các sản phẩm trên
		4	Thép hợp kim các loại (Thép silic, thép không gỉ, vv.)			Tấn	Thép hợp kim các loại như thép không gỉ, thép silic
							Điện các loại, trừ thép thời hợp kim và thép đúc hợp kim.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	Cầu kiện xây dựng bằng thép		1-1	Cács khung kết cầu thép nặng	Tấn	Cács khung kết cầu thép nặng các loại
				1-2	Cács khung kết cầu thép trung bình	Tấn	Cács khung kết cầu thép trung bình các loại
				1-3	Cács khung kết cầu thép nhẹ	Tấn	Cács khung kết cầu thép nhẹ các loại
		Cács loại cửa sổ, cửa ra vào		1-4	Dầm cầu thép, đường truyền, trượt	Tấn	Dầm cầu thép, đường truyền trượt các loại.
				1-5	Cửa công	Tấn	Cửa công các loại
				1-6	Container, ống và các thiết bị khác dùng cho máy móc	Tấn	Container, ống và các thiết bị khác dùng cho máy móc.
	Cács bộ phận làm bằng sắt, thép hoặc nhôm			2-1	Cács loại khung nhôm cho cửa sổ, cửa ra vào và cửa vách ngăn	m2	Cács loại khung nhôm cho cửa sổ, cửa ra vào và cửa vách ngăn
				2-2	Cổng, cửa, cửa sổ ra vào bằng sắt	m2	Cổng, cửa sổ, cửa ra vào bằng sắt.
				2-3	Tấm lợp bằng kim loại	1000 m2	Tấm lợp bằng kim loại các loại.
		Cács cầu kiện khác và các bộ phận làm bằng sắt, thép hoặc nhôm đúc sẵn					Cács sản phẩm kim loại đúc sẵn khác chưa được phân vào đâu.
							Tấn

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2899	Ngành sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	Những sản phẩm kim loại dùng trong gia đình		1-1	Chậu, xoong, nồi, mâm và chảo các loại	1000 chiếc	Cács đồ dùng gia dụng như nồi, xoong, chảo, mâm, các loại làm từ sắt, thép, đồng và nhôm.
				1-2	Thìa, dĩa các loại	1000 chiếc	Cács sản phẩm như thìa, dĩa, dao, đũa làm từ bất kỳ kim loại nào.
		2	Thùng chứa bằng kim loại (thùng, xô, can)	1-3	Cács sản phẩm kim loại gia dụng khác	1000 chiếc	Cács sản phẩm gia dụng bằng kim loại khác trừ nồi, xoong, chảo hay thìa, dĩa.
		3	Que hàn				Cács đồ chứa bằng kim loại như thùng, két, thùng tó nô, thùng hình trống, can, hộp và các đồ chứa tương tự (trừ những đồ chứa khí nén hay hoá lỏng), làm bằng sắt, thép, hay nhôm, Không phù hợp cho các thiết bị nhiệt cơ.
							Que hàn các loại

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2899 Ngành sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	4 Sản phẩm sản xuất bằng dây kim loại	4-1	Dây thép gai	Tấn	Dây thép gai các loại làm từ bất kỳ vật liệu kim loại nào, đã hoặc chưa cuộn tròn.		
			Lưới thép các loại		Lưới thép các loại, đã hoặc chưa cuộn tròn		
			Dây cáp không dùng cho dẫn điện		Dây hoặc cáp làm từ sắt và thép, trừ loại dùng để dẫn Điện.		
	5 Bulong, đai ốc và đinh các loại	4-2	Dây cáp không dùng cho dẫn điện	Tấn	Các sản phẩm đinh, đinh mủ, đinh kẹp (trừ đinh ghim), đinh vít, bu lông, đai ốc, móc cò vít, đinh tán, chốt, vòng đệm và các sản phẩm tương tự, làm từ sắt, thép, đồng và nhôm.		
			Bồn tắm, chậu bồn kim loại dùng trong nhà vệ sinh và nhà bếp		Bồn tắm và chậu bồn kim loại dùng trong nhà bếp, nhà vệ sinh các loại, trừ những loại được sản xuất từ nguyên vật liệu khác.		
			Két và hộp bảo vệ bằng kim loại		Kết và hộp bảo vệ các loại bằng kim loại		
			Kim (kim khâu, may và dệt)		Vật liệu dài, mảnh có đầu nhọn làm bằng kim loại đẽ khâu, may và dệt các loại		
			Những sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào		Những sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào các sản phẩm trên.		
			vào đầu				

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2930 Sản xuất các thiết bị điện dùng trong gia đình	1 Sản xuất các thiết bị gia đình chưa được phân vào đâu	1-1 Thiết bị Điện dùng trong gia đình	Chăn, gói điện	Cái	Bộ đồ giường Điện như chăn Điện, gối Điện và đệm Điện.		
			Tủ lạnh, tủ đá		Tủ lạnh và tủ Đá các loại.		
			Máy giặt		Máy giặt các loại. Máy sấy quần áo được phân vào "Các sản phẩm Điện gia dụng khác".		
			Máy hút bụi		Máy hút bụi các loại		
			Máy xay sinh tố, máy trộn và xay khác		Máy xay sinh tố, máy trộn, máy nghiền các loại.		
			Các thiết bị điện khác dùng trong gia đình (ví dụ: dao cao rau điện, bàn chải đánh răng điện, vv.)		Các thiết bị Điện Khác dùng trong gia đình chưa được phân vào các sản phẩm trên như máy cao rau Điện, bàn chải Điện, máy sấy quần áo, vv. .		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
2930 Sản xuất các thiết bị gia đình chưa được phân vào đâu	Thiết bị Điện nhiệt dùng trong gia đình	2	Thiết bị Điện nhiệt dùng trong gia đình	2-1	Máy sấy	Cái	Máy sấy tóc các loại, không kẽ quy cách kỹ thuật
				2-2	Máy uốn tóc điện	Cái	Máy uốn tóc các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
				2-3	Bàn là	Cái	Bàn là các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
				2-4	Quạt điện các loại	Cái	Quạt Điện các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
				2-5	Dụng cụ nhà bếp bằng điện (ví dụ: lò nướng, nồi Điện, ấm siêu tốc, vv.)	Cái	Dụng cụ nhà bếp bằng Điện như lò nướng, lò quay nồi cơm Điện, ấm siêu tốc, vv.
				2-6	Lò vi sóng	Cái	Lò vi sóng các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
				2-7	Bình đun nước nóng	Cái	Bình đun nước nóng Điện các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
3 Bếp ga	Bếp ga	3	Bếp ga			Cái	Bếp ga các loại không kẽ quy cách kỹ thuật.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1-1	Máy tính để bàn	Chiếc	Máy tính cá nhân để bàn các loại, bao gồm cả các máy chủ loại để bàn.				
3000 Ngành sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính	Các thiết bị kèm theo máy tính	2	Các thiết bị kèm theo máy tính	1-2	Máy tính xách tay	Chiếc	Máy tính cá nhân loại xách tay các loại.
				2-1	Máy in kim	Chiếc	Máy in mực các loại, bao gồm máy in có chứa mực (dùng nhiệt làm nóng mực).
				2-2	Máy in laser	Chiếc	Máy in laser các loại. Không bao gồm loại máy kết hợp với các bộ phận ngoại vi khác như máy photocopy và máy quét.
				2-3	Màn hình máy tính	Chiếc	Màn hình máy tính các loại, bao gồm màn hình đèn chân không, màn hình tĩnh thê lồng và các loại sản phẩm tương tự khác.
				2-4	Đĩa cứng (HDD)	Chiếc	Đĩa cứng các loại được hoặc không được đệm bản.
				3	Máy đếm tiền	Chiếc	Máy đếm tiền loại kỹ thuật số hoặc không phải kỹ thuật số, hay các hệ thống đếm tiền tương tự.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3000 Ngành sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính	4 Máy phô tô	4-1	Máy phô tô thường các loại	Chiếc	Máy phô tô copy chạy Điện hoạt động theo phương thức sao chép lai hình ảnh thông thường. Không bao gồm máy phô to copy màu.		
			4-2	Máy phô tô kỹ thuật số	Chiếc	Máy phô tô copy chạy Điện hoạt động theo phương thức sao chép lai hình ảnh bằng kỹ thuật số. Không bao gồm máy phô to copy màu.	
		4-3	Máy phô tô màu	Chiếc	Máy phô tô copy màu chạy Điện loại kỹ thuật số hoặc loại thường. Không bao gồm máy phô to copy đơn sắc (một màu).		
	5 Các máy văn phòng khác			Chiếc	Các loại máy văn phòng khác như máy tính điện tử để bàn, máy phân loại, máy đục lỗ, máy đóng sách, vv.		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3110 Ngành sản xuất mô tơ, máy phát và biến thế Điện	1 Máy phát điện/ Mô tơ	1-1	Máy phát điện một chiều(DC)	Chiếc	Máy phát Điện một chiều các loại, bao gồm cả máy phát đa pha.		
			1-2 Mô tơ/Động cơ một chiều (DC)	Bộ	Mô tơ/Động cơ một chiều các loại, bao gồm cả môt tor/động cơ đa pha.		
		1-3	Máy phát điện xoay chiều (AC)	Chiếc	Máy phát Điện xoay chiều các loại, bao gồm cả máy phát đa pha.		
		1-4	Mô tơ/ động cơ xoay chiều (AC)	Bộ	Mô tơ/Động cơ xoay chiều các loại, bao gồm cả môt tor/động cơ đa pha.		
	2 Máy nắn đóng dạng động và dạng tĩnh			Chiếc	Máy nắn đóng dạng động, máy nắn đóng dạng tĩnh và các bộ phận.		
	3 Biến thế điện	3-1	Biến thế điện có công xuất dưới 35/0.4 KV	Chiếc	Biến thế Điện có công xuất dưới 35/0.4 KV các loại.		
			3-2 Biến thế điện có công xuất từ 35/0.4 KV trở lên	Chiếc	Biến thế Điện có công xuất từ 35/0.4 KV trở lên các loại.		
		4 Các loại chấn lưu		Chiếc	Chấn lưu và phụ tùng chấn lưu các loại được sử dụng cho bất kỳ thiết bị Điện nào.		
	5 Máy cảm điện			Chiếc	Máy cảm Điện và phụ tùng của máy cảm Điện các loại được sử dụng cho bất kỳ thiết bị Điện nào.		
	6 Ôn áp các loại			Chiếc	Ôn áp và phụ tùng ôn áp các loại.		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3130 Ngành sản xuất cáp Điện và dây Điện có bọc cách Điện	1	Dây điện		1-1	Dây điện (Dây ê may)	Tấn	Dây dùng để cuộn mõ tơ, là bộ phận chính của động cơ.
				1-2	Dây điện Không bọc	Tấn	Dây điện Không được bọc bất kỳ nguyên liệu cách điện nào; các loại.
	2	Dây cáp đồng trực		2-1	Cáp đồng trực có bọc	Tấn	Dùng để tải Điện cao thế, trực giữa chủ yếu bằng nhôm, các dây đồng tải Điện quần xung quanh, có bọc cách Điện.
				2-2	Cáp đồng trực không bọc	Tấn	Dùng để tải Điện cao thế, trực giữa chủ yếu bằng nhôm, các dây đồng tải Điện quần xung quanh, không có bọc cách Điện.
	3	Dây dẫn điện		3-1	Dây điện có bọc dùng cho điện áp Không quá 1KV	Tấn	Dây dẫn Điện, chủ yếu sử dụng nội thất
	4	Cáp quang		3-2	Dây điện có bọc dùng cho điện áp trên 1KV	Tấn	Dùng để tải Điện hạ thế từ các trạm biến thế về, có bọc cách Điện
	5	Hệ thống dây điện cho xe ô tô				Tấn	Dây cáp tải các tín hiệu thông tin.
						1000 bộ	Một bộ dây điện nhiều loại khác nhau được sản xuất dưới dạng một linh kiện xe ô tô.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3190 Ngành sản xuất thiết bị Điện khác chưa được phân vào đầu	1	Thiết bị Đánh tia lùa Điện hoặc các thiết bị khởi động				Chiếc	Thiết bị Đánh tia lùa Điện hoặc các thiết bị khởi động các động cơ đốt trong các loại.
	2	Các thiết bị chiếu sáng và báo hiệu chuyên dụng cho xe có động cơ và xe gắn máy		2-1	Thiết bị chiếu sáng các loại dùng cho xe có động cơ và xe gắn máy	Cái	Thiết bị Điện dùng cho đèn pha, đèn xi nhan và đèn hậu của các loại xe có động cơ như dây tóc, vỏ trong và vỏ ngoài của đèn. Không bao gồm bóng đèn Điện.
	3	Các thiết bị báo hiệu âm thanh, hình ảnh		2-2	Đèn báo hiệu các loại	Cái	Đèn báo hiệu như đèn báo dừng trong quân sự và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm bóng đèn Điện.
	4	Cần gạt nước/ Thiết bị phát quang/ Thiết bị ngăn sương mù động				Cái	Các thiết bị báo hiệu âm thanh như máy phản phôi, máy hoà tiếng và các sản phẩm tương tự khác.
	5	Các loại nam châm Điện				Cái	Cần gạt nước, thiết bị phát quang, thiết bị ngăn sương mù động các loại.
						Cái	Nam châm Điện được hoặc không được đem bàn các loại.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Sản phẩm cách Điện không được làm từ sành sứ, thuỷ tinh, cao su và plastic. Bao gồm các sản phẩm làm từ silicon, acrylic và chất liệu khác.	Mô tả
		6	Sản phẩm cách Điện không phải là sành sứ, thuỷ tinh, cao su và plastic			Cái		
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Sản phẩm cách Điện không được làm từ sành sứ, thuỷ tinh, cao su và plastic. Bao gồm các sản phẩm làm từ silicon, acrylic và chất liệu khác.	Mô tả
3190	Ngành sản xuất thiết bị Điện khác chưa được phân vào đâu	7	Điện cực than, chổi than, đèn than, ác quy than			Cái		
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Bảng mạch in dạng tĩnh như bảng mạch in nhiều lớp, bảng mạch in một mặt, hai mặt và bảng mạch in bằng sứ.	Mô tả
		1	Bảng mạch in	1-1	Tĩnh	m2	Bảng mạch in dạng tĩnh như bảng mạch in nhiều lớp, bảng mạch in một mặt, hai mặt và bảng mạch in bằng sứ.	
				1-2	Động	m2	Bảng mạch in dạng động các loại.	
				2-1	Ông đèn chân không (dùng cho TV màu)	Chiếc	Ông đèn chân Không dùng cho tivi màu và tivi đơn sắc. Không bao gồm ông đèn chân Không dùng cho thiết bị liên quan đến máy tính.	
		2	Ông Điện tử	2-2	Ông đèn chân không dùng cho máy tính và các thiết bị điện tử có liên quan	Chiếc	Ông đèn chân Không dùng cho máy tính và các thiết bị có liên quan khác.	
Ngành sản xuất đèn, ông đèn Điện tử và các linh kiện Điện tử khác	3	Tụ Điện các loại				1000 chiếc	Tụ Điện các loại, không phân biệt tụ Điện có định hay biến đổi.	
	4	Điện trở các loại				1000 chiếc	Điện trở các loại.	
				5-1	Điốt tinh thể lỏng	1000 chiếc	Điốt tinh thể lỏng các loại.	
				5-2	Điốt phát sáng	1000 chiếc	Điốt phát sáng các loại.	
	5	Các thiết bị bán dẫn		5-5	Các thiết bị bán dẫn khác	1000 chiếc	Các thiết bị bán dẫn khác bao gồm bộ phận bán dẫn cảm quang các loại.	
				6-1	Ví mạch điện tử đơn	1000 chiếc	Ví mạch Điện tử đơn và phụ tung các loại.	
	6	Ví mạch Điện tử (IC)		6-2	Ví mạch điện tử tő hợp	1000 chiếc	Ví mạch Điện tử tő hợp và phụ tung các loại.	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3220 Ngành sản xuất máy truyền thanh, truyền hình và các thiết bị cho Điện thoại, Điện báo	1 Máy truyền phát sóng	1-1 Máy truyền thanh	Cái	Máy truyền thanh có hoặc không có gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.	Cái	Máy truyền thanh có hoặc không có gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.	Máy truyền hình
	2 Camera truyền hình	1-2 Máy truyền hình	Cái	Máy vô tuyến Điện thoại, Điện báo có hoặc không có gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.	Cái	Máy vô tuyến Điện thoại, Điện báo có hoặc không có gắn với thiết bị thu hoặc thiết bị ghi hoặc sao lại âm thanh.	Máy vô tuyến điện thoại, điện báo
	3 Điện thoại	1-3 Máy thu phát vô tuyến dùng trong gia đình	Cái	Máy thu phát vô tuyến dùng trong gia đình	Cái	Máy thu phát vô tuyến dùng trong gia đình các loại.	Camera truyền hình các loại. Không bao gồm camera ghi hình dùng trong gia đình.
	4 Máy fax	3-1 Điện thoại cố định	Cái	Điện thoại cố định	Cái	Điện thoại và bộ đàm các loại đã hoặc chưa kết nối với các bộ phận khác như hệ thống trả lời. Mục này bao gồm cả Điện thoại không dây và Điện thoại công cộng.	Điện thoại di động
		3-2 Điện thoại di động	Cái	Điện thoại di động các loại. Không bao gồm Điện thoại không dây.	Cái	Bộ phận truyền nhận Điện thoại các loại.	Tổng đài Điện thoại
		3-3 Thiết bị liên lạc khác	Cái	Thiết bị liên lạc khác và các bộ phận như Điện thoại video và Điện thoại vô tuyến.	Cái	Thiết bị liên lạc khác và các bộ phận như Điện thoại video và Điện thoại vô tuyến.	Máy fax loại G4
		4-1 Máy fax loại G3	Cái	Máy fax loại chuẩn G4 (Nhóm 4) và sử dụng đường truyền số.	Cái	Máy fax loại chuẩn G3 (Nhóm 3) và sử dụng đường truyền thông thường.	Loại máy fax khác

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		1	Máy thu thanh			Cái	Máy thu thanh có gắn thiết bị thu và sao lại âm thanh. Không bao gồm loại máy thu thanh gắn với máy quay băng, đĩa và các sản phẩm tương tự. Mục này cũng không bao gồm máy thu phát âm thanh dùng cho ô tô và thiết bị âm thanh mini.
		2	Máy quay băng			Cái	Máy quay băng các loại, bao gồm loại gắn với máy thu thanh. Không bao gồm máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3. Mục này cũng không bao gồm máy dùng cho ô tô và thiết bị âm thanh mini.
		3	Máy quay đĩa kỹ thuật số			Cái	Máy quay đĩa kỹ thuật số các loại, bao gồm loại gắn với radio và máy cát sét, máy MD và các sản phẩm tương tự. Không bao gồm máy dùng cho ô tô, thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.
		4	Máy thu phát âm thanh dùng cho ô tô			Cái	Máy thu phát âm thanh, máy quay băng và máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3 dùng cho ô tô.
Ngành sản xuất máy thu thanh, thu hình, thiết bị ghi và phát lại âm thanh hoặc ghi lại hình ảnh và các thiết bị cố liên quan	3230	5	Thiết bị âm thanh mini			Cái	Thiết bị âm thanh các loại có hoặc không có gắn với máy thu phát âm thanh, máy quay băng, máy chạy đĩa CD, DVD, MD và MP3 và các sản phẩm tương tự.
		6-1	Máy quay video			Cái	Máy quay video dùng trong giao thông định các loại. Không bao gồm loại dùng trong truyền hình.
		6-2	Máy chạy băng video (VCP)/ Máy ghi băng Video (VCR)			Cái	Máy chạy băng video (VCP) và máy ghi băng video (VCR) các loại. Không bao gồm các loại dùng trong thiết bị âm thanh mini.
		6-3	Máy chạy đĩa Video (VCD)/ Máy ghi đĩa			Cái	Máy chạy đĩa Video (VCD) và máy ghi đĩa các loại. Không bao gồm loại dùng trong thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.
		6-4	Máy chạy đĩa kỹ thuật số (DVD)/ Máy ghi			Cái	Máy chạy đĩa kỹ thuật số (DVD) và máy ghi các loại. Không bao gồm loại dùng trong thiết bị âm thanh mini và đầu máy karaoke.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3230	Ngành sản xuất máy thu thanh, thu hình, thiết bị ghi và phát lại âm thanh hoặc ghi lại hình ảnh và các thiết bị có liên quan	7	Các thiết bị âm thanh	7-1	Micrô	Cái	Các loại micro và bộ phận của nó.
				7-2	Bộ nghe/ Tai nghe	Bộ	Bộ nghe, tai nghe và bộ phận các loại.
		8	Tivi màu và linh kiện tivi màu	7-3	Loa phóng thanh	Cái	Loa phóng thanh và bộ phận các loại.
				7-4	Âm ly	Cái	Âm ly và bộ phận các loại.
		9	Tivi thường (Tivi CRT (Ông ch่าน Không))	8-1	Tivi thường (Tivi CRT (Ông ch่าน Không))	Cái	Tivi thường loại màu hay đèn trắng các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.
				8-2	Tivi LCD (Màn hình tĩnh thể lỏng)	Cái	Tivi LCD (màn hình tĩnh thể lỏng) các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.
				8-3	Tivi Plasma	Cái	Tivi Plasma các loại. Không bao gồm loại dùng màn hình máy tính.
				8-4	Phụ tùng tivi	Cái	Phụ tùng tivi các loại của tivi thường, tivi LCD, tivi plasma và các loại tivi khác.
		10	Máy thu dùng cho Điện thoại vô tuyến và Điện báo vô tuyến			Cái	Máy thu dùng cho Điện thoại vô tuyến và Điện báo vô tuyến, không bao gồm loại dùng trong gia đình như Điện thoại di động.
						Cái	Dàn máy karaoke các loại có hoặc không gắn với đầu máy DVD, VCD và CD.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3311	Sản xuất thiết bị y tế, phẫu thuật và dụng cụ chỉnh hình	1	Thiết bị dùng cho nha khoa (VD: Máy khoan răng ...)			Cái	
				2	Thiết bị khử trùng	Cái	
		3	Thiết bị chuẩn đoán chức năng (các máy dùng tia X, tia cực tím, tia hồng ngoại, dùng Điện ...)			Cái	
				4	Máy tri liệu, xoa bóp	Cái	
				5	Thiết bị phục hồi chức năng	Cái	
				6	Thiết bị đo thời lực	Cái	
				7	Dụng cụ chỉnh hình (Nang, thắt lưng, thiết bị bó xương ...)	1000	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3311 Sản xuất thiết bị y tế, phẫu thuật và dụng cụ chỉnh hình	8	Răng giả				1000 Cái	
	9	Chân tay giả				1000 Cái	
	10	Bơm và kim tiêm				1000 Cái	
	11	Thiết bị y tế khác (Bàn khám, bàn mổ, bàn đê, ghế nha khoa, giường bệnh nhân)				1000 Cái	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3410 Ngành sản xuất xe có động cơ	1	Máy kéo đường bộ				Chiếc	Máy kéo đường bộ các loại dùng trong công nghiệp các loại, không bao gồm loại máy kéo dùng trong xây dựng đường xá.
	2	Xe chở khách				Chiếc	Xe chở Khách được thiết kế chủ yếu dùng làm phương tiện đi lại của con người như xe ô tô mui kín, xe thê thao và các loại xe thương tự khác. Không bao gồm các loại xe chuyên dụng khác như xe tải nhỏ không mui, xe chuyên chở loại nhẹ và xe Jip.
	3	Xe chuyên dụng				Chiếc	Xe chuyên dụng như xe tải nhỏ không mui, xe chuyên chở loại nhẹ, xe tải hạng nhẹ và xe jip các loại chủ yếu được dùng trong giao thông. Không bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong ngành kinh doanh như xe buýt, xe tải và các loại xe chuyên chở khác.
	4	Xe tải		4-1	Xe tải dưới 5 tấn	Chiếc	Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hóa, có trọng tải dưới 5 tấn.
				4-2	Xe tải từ 5 tấn đến 10 tấn	Chiếc	Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hóa, có trọng tải từ 5 đến 10 tấn.
				4-3	Xe tải trên 10 tấn	Chiếc	Xe tải và các loại xe ô tô khác dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 10 tấn trở lên.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3410	Ngành sản xuất xe có động cơ	5	Xe buýt	5-1	Xe buýt loại nhỏ (từ 5 đến 14 chỗ ngồi)	Chiếc	Xe buýt loại nhỏ từ 5 đến 14 chỗ ngồi kê cà lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.
				5-2	Xe buýt loại trung bình (từ 15 đến 30 chỗ ngồi)	Chiếc	Xe buýt loại vừa từ 15 đến 30 chỗ ngồi kê cà lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.
		6	Xe phục vụ mục đích đặc biệt	5-3	Xe buýt loại lớn (trên 30 chỗ ngồi)	Chiếc	Xe buýt loại lớn từ 30 chỗ ngồi trở lên kê cà lái xe, bao gồm các loại xe được dùng chủ yếu trong kinh doanh.
							Xe phục vụ mục đích đặc biệt gồm xe cứu hoả, xe cứu thương, xe chở rác, xe dùng trong xây dựng, xe cẩu, vv.
		7	Trung đại tu ô tô các loại				Trung đại tu, không bao gồm sửa chữa thông thường như sửa thân xe, ba đờ xóc, vv.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3430	Parts and accessories for motor vehicles & their engines	1	Phanh			1000 bộ	Phanh các loại như phanh hơi, phanh dầu và các sản phẩm tương tự khác.
		2	Hộp số			1000 cái	Các loại hộp số và bộ phận làm thay đổi tốc độ khác, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		3	Bộ tản nhiệt			1000 cái	Bộ tản nhiệt dành cho xe có động cơ và phụ tùng các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		4	Vành bánh xe			1000 cái	Vành xe và nan hoa cho xe có động cơ các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		5	Trục dẫn			1000 cái	Trục dẫn và phụ tùng cho xe có động cơ các loại được hoặc không được cung cấp các thiết bị truyền động khác.
		6	Thiết bị giảm xóc			1000 cái	Thiết bị giảm sóc có lò xo dùng cho xe có động cơ, chỉ bao gồm các loại giảm sóc có lò xo và không bao gồm các loại xe ô tô các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		7	Ông xà			1000 cái	Thiết bị giảm thanh của ống xà và ống xả dùng cho các loại xe ô tô các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3511	Tàu vận tải các loại bằng thép	1	Tàu vận tải các loại bằng thép	1-1	Tàu loại nhỏ (dưới 5000 tấn)	Tấn TT	Tàu loại nhỏ có trọng tải dưới 5,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
				1-2	Tàu loại trung bình (từ 5000 tấn đến 10000 tấn)	Tấn TT	Tàu loại vừa có trọng tải từ 5,000 đến 10,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
				1-3	Tàu loại lớn (trên 10000 tấn)	Tấn TT	Tàu loại nhỏ có trọng tải trên 10,000 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
	Tàu thuyền bằng gỗ	2	Tàu thuyền bằng gỗ	2-1	Tàu loại nhỏ (dưới 10 tấn)	Tấn TT	Tàu thuyền bằng gỗ loại nhỏ có trọng tải dưới 10 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
				2-2	Tàu loại trung bình (từ 10 tấn đến 100 tấn)	Tấn TT	Tàu thuyền bằng gỗ loại vừa có trọng tải từ 10 tấn đến 100 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
				2-3	Tàu loại lớn (trên 100 tấn)	Tấn TT	Tàu thuyền bằng gỗ loại lớn có trọng tải trên 100 tấn dùng để vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
	Ngành đóng và sửa chữa tàu	3	Tàu lặm từ nguyên liệu khác			Tấn TT	Tàu lặm từ nguyên liệu khác như thép và gỗ dùng cho mục đích vận chuyển hàng hoá như tàu Đánh cá, tàu chở hàng hoá và tàu chuyên chở.
						Tấn TT	Tàu dắt, tàu kéo, tàu đẩy, tàu đèn hiệu, hoa tiêu
	Xà lan các loại	4	Tàu dắt, tàu kéo, tàu đẩy, tàu đèn hiệu, hoa tiêu			Tấn TT	Tàu dắt, tàu kéo, tàu đẩy, tàu đèn hiệu, hoa tiêu các loại.
						Tấn TT	Xà lan các loại.
	Phà các loại	6	Phà các loại	6-1	Phà tự hành	Tấn TT	Phà, tàu tuần tra, tàu du lịch và các loại tàu phà tự hành tương tự, bao gồm các loại được thiết kế đặc biệt để chở người.
				6-2	Phà khác	Tấn TT	Phà, tàu tuần tra, tàu du lịch và các loại không phải là tàu phà tự hành khác, bao gồm các loại được thiết kế đặc biệt để chở người.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		7	Các cầu kiện nối				
3511	Ngành đóng và sửa chữa tàu	8	Trung đại tu tàu, thuyền, ca nô, xà lan các loại	8-1	Trung đại tu tàu, ca nô các loại	Triệu đồng	Các cầu kiện nối như bè, thùng, phao, vv.
				8-2	Trung đại tu phao, xà lan các loại	Triệu đồng	Trung đại tu tàu, ca nô các loại chuyên dùng trong chuyến chở người.
							Trung đại tu phao, xà lan các loại chuyên dùng trong chuyến chở hàng hóa.
VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
		1	Xe máy	1-1	Xe máy (dung tích dưới 50cc)	Chiếc	Xe máy bao gồm loại xe có bàn đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích dưới 50cc.
				1-2	Xe máy (dung tích từ 50cc đến 125cc)	Chiếc	Xe máy bao gồm loại xe có bàn đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích từ 50cc đến 125cc.
				1-3	Xe máy (dung tích trên 125cc)	Chiếc	Xe máy bao gồm loại xe có bàn đạp và xe máy loại nhẹ có dung tích trên 125cc.
				2-1	Động cơ các loại	Chiếc	Động cơ xe máy các loại.
				2-2	Bộ chế hòa khí	Chiếc	Bộ chế hòa khí dành cho xe máy các loại.
				2-3	Hộp số	Chiếc	Hộp số các loại.
				2-4	Phanh (Thắng)	Chiếc	Phanh (thắng) các loại.
				2-5	Khung	Chiếc	Khung xe máy các loại.
				2-6	Yên xe	Chiếc	Yên xe máy các loại.
				2-7	Tay lái	Chiếc	Tay lái dành cho xe máy các loại.
		2	Phụ tùng xe máy (Động cơ, khung, hộp số, vv.)	2-8	Giảm sóc/Hệ thống giảm xóc	Chiếc	Giảm sóc xe máy các loại.
				2-9	Đồng hồ đo	Chiếc	Đồng hồ đo dành cho xe máy các loại.
				2-10	Bộ giảm thanh	Chiếc	Bộ giảm thanh dành cho xe máy các loại.
				2-11	Các linh kiện xe máy khác	Chiếc	Các linh kiện xe máy khác không được liệt kê ở danh sách trên.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
1	Ghế ngồi các loại	1-1	Ghế gỗ	Cái	Ghế gỗ các loại với hơn 50% chất liệu làm từ gỗ, không quan tâm đến kích cỡ, mục đích sử dụng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.		
		1-2	Ghế kim loại	Cái	Ghế kim loại các loại với hơn 50% chất liệu làm từ kim loại như ghế làm từ ống sắt, không quan tâm đến kích cỡ và mục đích sẽ dùng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.		
		1-3	Ghế mây/ tre	Cái	Ghế mây tre các loại với hơn 50% chất liệu làm từ mây hoặc tre, không quan tâm đến kích cỡ và mục đích sử dụng. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.		
		1-4	Ghế khác	Cái	Các loại ghế khác không được liệt kê ở trên như ghế làm từ nhựa. Không bao gồm ghế của các bộ bàn ghế dùng trong phòng khách.		
2	Bộ sa lông có bọc			Bộ	Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách, chỉ bao gồm các loại có đệm.		
3610	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	3-1	Bộ sa lông gỗ có khâm	Bộ	Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách không có đệm, chỉ bao gồm các loại được khâm trai.		
		3-2	Bộ sa lông gỗ không khâm	Bộ	Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách không có đệm, không bao gồm các loại được khâm trai.		
		3-3	Bộ sa lông mây, tre	Bộ	Bộ bàn ghế chủ yếu được dùng trong phòng khách không có đệm, chỉ bao gồm các loại được làm từ mây hoặc tre.		
4	Tủ bếp			Cái	Tủ bếp các loại không quan tâm đến chất liệu và kích cỡ.		
5	Bàn làm việc (Trừ bàn ăn)			Cái	Bàn làm việc các loại không quan tâm đến chất liệu và kích cỡ, bao gồm bàn dùng trong gia đình và trong văn phòng, không bao gồm bàn dùng trong trường học.		
6	Bàn ăn			Cái	Bàn ăn các loại, không quan tâm đến chất liệu và kích cỡ.		
7	Bàn học sinh			Cái	Bàn dành cho học sinh chủ yếu được sử dụng trong trường học, không quan tâm đến chất liệu và kích cỡ.		

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
3610	Furniture	8	Giường gỗ và giường từ chất liệu tương tự gỗ		Cái		Giường gỗ và giường làm từ chất liệu tương tự, không quan tâm đến kích cỡ.
		9	Sập gụ khuôn tranh		Cái		
		10	Sập gụ chân quý		Cái		
		11	Tủ quần áo, tủ tài liệu		Cái		Tủ quần áo và tủ đựng tài liệu các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu, không bao gồm giá sách không có cánh cửa.
		12	Tủ chè khàm		Cái		Tủ đựng chè có khàm trai, không bao gồm loại kết hợp với bộ bàn ghế trong phòng khách.
		13	Giá sách		Cái		Giá sách các loại không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu, không bao gồm loại giá sách có cánh cửa.
		14	Bàn gương trang điểm		Cái		Bàn trang điểm các loại có hoặc không có gương, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		15	Tủ đựng tivi và các thiết bị nghe nhìn khác		Cái		Tủ đựng tivi và thiết bị nghe nhìn các loại, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.
		16	Đệm các loại		Cái		Đệm được kèm với nguyên liệu cao su hoặc nhựa.
		17	Ghế dành cho xe ô tô các loại		Bộ		Ghế ngồi cho lái xe hoặc hành khách trên xe các loại.
		18	Các đồ nội thất khác		Cái		Các đồ nội thất khác không được liệt kê ở trên, không quan tâm đến kích cỡ và chất liệu.

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
4010	Ngành sản xuất tập trung và phân phối điện	1	Điện thương phẩm			Triệu Kwh	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
4020	Ngành sản xuất ga, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	1	Bupro (LPG) - Ga hoá lỏng			1000 Tấn	

VSIC	Tên VSIC	Mã 1	Tên sản phẩm	Mã 2	Sản phẩm chi tiết	ĐV	Mô tả
4100	Khai thác lọc và phân phối nước	1	Nước máy thương phẩm			1000 M3	

